|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  ---------------**  Số: 14/2010/TT-BKH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc -------------------**  *Hà Nội, ngày 04 tháng 06 năm 2010* |

**THÔNG TƯ**

**HƯỚNG DẪN MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 43/2010/NĐ-CP NGÀY 15 THÁNG 4 NĂM 2010**

**CỦA CHÍNH PHỦ VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;*

*Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư,*

*Thực hiện Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp (sau đây viết tắt là Nghị định số 43/2010/NĐ-CP), Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập điểm kinh doanh và đăng ký hộ kinh doanh như sau:*

**Chương 1.**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn chi tiết về:

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập và đăng ký thay đổi các nội dung đã đăng ký đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký đối với hộ kinh doanh.

4. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký giải thể công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh, chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

5. Hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng cho các đối tượng được quy định tại Điều 2 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp*” là hồ sơ đăng ký thành lập hoặc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của doanh nghiệp.

2. “*Hồ sơ đăng ký điện tử*” là hồ sơ đăng ký doanh nghiệp được nộp qua Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, bao gồm đầy đủ các giấy tờ theo quy định như hồ sơ giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký điện tử có giá trị pháp lý như hồ sơ nộp bằng bản giấy.

3. “*Chữ ký điện tử*” được tạo lập dưới dạng từ, chữ, số ký hiệu hoặc các hình thức khác bằng phương tiện điện tử, gắn liền hoặc kết hợp một cách logic với hồ sơ điện tử, có khả năng xác nhận của người ký văn bản điện tử và xác nhận sự chấp thuận của người đó đối với nội dung hồ sơ đăng ký điện tử đã được ký.

4. “*Đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp*” là chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp.

**Điều 4. Mã số doanh nghiệp, mã số đăng ký hộ kinh doanh**

1. Mã số doanh nghiệp thực hiện theo hướng dẫn sau:

a) Mã số doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

b) Cấu trúc mã số doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế. Việc tạo mã số doanh nghiệp thực hiện theo quy trình quy định tại Điều 26 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

c) Trường hợp doanh nghiệp, các đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và địa điểm kinh doanh bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế do vi phạm pháp luật về thuế, thì doanh nghiệp, các đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh trong được sử dụng mã số thuế trong các giao dịch kinh tế, kể từ ngày cơ quan thuế thông báo công khai về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

2. Mã số đăng ký hộ kinh doanh thực hiện theo hướng dẫn sau:

a) Cơ quan Đăng ký kinh doanh cấp huyện ghi mã số đăng ký hộ kinh doanh trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo cấu trúc sau:

- Mã cấp tỉnh: 02 ký tự, theo Phụ lục VII-2 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Mã cấp huyện: 01 ký tự, theo Phụ lục VII-2 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Mã loại hình: 01 ký tự, 8 = hộ kinh doanh

- Số thứ tự hộ kinh doanh: 06 ký tự, từ 000001 đến 999999

b) Các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được thành lập mới sau ngày ban hành Thông tư này, được chèn mã tiếp, theo thứ tự của bảng chữ cái tiếng Việt.

c) Trường hợp tách quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh sau ngày ban hành Thông tư này, một đơn vị cấp huyện giữ nguyên mã chữ cũ và huyện kia được chèn mã tiếp, theo thứ tự của bảng chữ cái tiếng Việt.

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư mã mới của cấp huyện được thành lập mới hoặc do tách đơn vị cấp huyện.

**Điều 5. Ngành, nghề kinh doanh**

1. Ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải được lựa chọn từ Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, trừ những ngành, nghề kinh doanh quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

2. Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền khẳng định doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra Thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, đồng thời thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật. Thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm dừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục V-6 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 6. Giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận đăng ký điện tử**

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện được lưu dưới dạng bản điện tử trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận đăng ký điện tử) có giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bằng văn bản do Phòng Đăng ký kinh doanh cấp cho doanh nghiệp.

2. Giấy chứng nhận đăng ký điện tử được Cơ quan Đăng ký kinh doanh sử dụng để xác định tình trạng và nội dung đã đăng ký của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện.

3. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký điện tử lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại cùng thời điểm có nội dung khác biệt so với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện bằng văn bản, Giấy chứng nhận có giá trị pháp lý là Giấy chứng nhận có nội dung được ghi đúng theo nội dung trong hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp.

**Điều 7. Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia**

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm quản lý, vận hành Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân khác lập trang web với tên gọi trùng hoặc gây nhầm lẫn với Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

3. Mỗi cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chỉ thực hiện nghiệp vụ đối với cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp của địa phương mình trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4. Các tổ chức, cá nhân thực hiện truy cập Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia theo địa chỉ www.dangkykinhdoanh.gov.vn hoặc www.businessregistration.gov.vn.

**Chương 2.**

**ĐĂNG KÝ TÊN DOANH NGHIỆP**

**Điều 8. Tên doanh nghiệp, tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh**

1. Danh mục chữ cái sử dụng trong đặt tên doanh nghiệp theo khoản 1 Điều 13 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP được quy định tại Phụ lục VII-1 ban hành kèm theo Thông tư này. Danh mục chữ cái này cũng được sử dụng để đặt tên chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp và đặt tên hộ kinh doanh.

2. Phần tên riêng trong tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân không được sử dụng cụm từ “công ty”, “doanh nghiệp”.

**Điều 9. Tên doanh nghiệp đã đăng ký trước khi Nghị định số 43/2010/NĐ-CP có hiệu lực**

1. Các doanh nghiệp có tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn tự thương lượng với nhau để đăng ký đổi tên doanh nghiệp. Doanh nghiệp có thể bổ sung tên địa danh để làm yếu tố phân biệt tên doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ được bổ sung tên địa danh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

2. Việc đăng ký bổ sung tên địa danh vào tên doanh nghiệp để làm yếu tố phân biệt tên doanh nghiệp không được vi phạm pháp luật về sở hữu công nghiệp.

**Chương 3.**

**HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG**

**CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THÔNG BÁO LẬP ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**

**Điều 10. Các mẫu giấy tờ trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, các đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và địa điểm kinh doanh**

1. Giấy Đề nghị đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Danh sách thành viên, cổ đông sáng lập, người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Thông báo về việc lập, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục III-1, III-2, III-3 và III-4 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Thông báo của doanh nghiệp về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp quy định tại Chương V Nghị định số 43/2010/NĐ-CP thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục III-5, III-6, III-7, III-8 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Thông báo tạm ngừng kinh doanh quy định tại Điều 57 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục III-12 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 11. Các mẫu giấy tờ do cơ quan đăng ký kinh doanh ban hành**

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thông báo về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Thông báo về hành vi vi phạm của doanh nghiệp và các thông báo khác của cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Giấy biên nhận quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục VI-6 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp quy định tại Điều 60 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP, Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thực hiện theo Phụ lục VI-1 và Phụ lục VI-3 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 12. Ủy quyền cho người đại diện làm thủ tục đăng ký doanh nghiệp**

Trong trường hợp người thành lập doanh nghiệp ủy quyền cho người đại diện của mình nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, khi tiếp nhận hồ sơ, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh đề nghị người được ủy quyền xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc các giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác quy định tại Điều 24 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP và văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật.

**Điều 13. Đăng ký thay đổi trụ sở chính của doanh nghiệp, thành lập mới chi nhánh, văn phòng đại diện tại tỉnh, thành phố khác nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính**

1. Trước khi đăng ký thay đổi trụ sở chính, địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện tại Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự định chuyển tới, doanh nghiệp phải thực hiện các thủ tục liên quan đến việc chuyển địa điểm với cơ quan thuế. Hồ sơ và trình tự, thủ tục kê khai, thông báo với cơ quan thuế thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

2. Trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất thủ tục kê khai, thông báo với cơ quan thuế, doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính đến Phòng Đăng ký kinh doanh theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 35 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

**Điều 14. Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần**

1. Hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần bao gồm các giấy tờ sau:

a. Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty;

b. Bản sao hợp lệ Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc các giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác quy định tại Điều 24 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP của người thay thế làm đại diện theo pháp luật của công ty;

c. Quyết định bằng văn bản và bản sao Biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, Quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật; Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty làm thay đổi nội dung điều lệ công ty, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty không làm thay đổi nội dung của điều lệ công ty ngoài nội dung họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty quy định tại khoản 15 Điều 22 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp Điều lệ công ty cổ phần quy định Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật và Đại hội đồng cổ đông công ty bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị thì phải có Quyết định bằng văn bản và bản sao Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

2. Người ký thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật là một trong những cá nhân sau:

a) Chủ tịch Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Trong trường hợp Chủ tịch hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật thì người ký thông báo là Chủ tịch Hội đồng thành viên mới được Hội đồng thành viên bầu.

b) Chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có chủ sở hữu là cá nhân.

c) Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức.

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật thì người ký thông báo là Chủ tịch Hội đồng quản trị mới được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bầu.

**Điều 15. Thời hạn doanh nghiệp thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp**

1. Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày doanh nghiệp ra Quyết định (hoặc Nghị quyết) thay đổi các nội dung này, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên, Hội đồng thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty cổ phần hoặc những người có thẩm quyền trong doanh nghiệp có trách nhiệm ban hành Quyết định (hoặc Nghị quyết) bằng văn bản về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong vòng mười ngày làm việc, kể từ ngày doanh nghiệp quyết định thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Biên bản họp có quy định cụ thể về thời hạn ra Quyết định (hoặc Nghị quyết) khác với thời hạn nêu trên.

**Điều 16. Đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mẫu mới**

1. Những doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế trước khi Nghị định số 43/2010/NĐ-CP có hiệu lực không bắt buộc phải đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp sẽ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mẫu mới khi đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Khi nộp hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp phải nộp kèm bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cho Phòng Đăng ký kinh doanh để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mẫu mới.

3. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, doanh nghiệp có thể nộp Giấy đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mẫu kèm theo bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuế; hoặc bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế để được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mẫu mới trong thời hạn hai ngày làm việc.

Mẫu Giấy đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mẫu mới được thực hiện theo quy định tại Phụ lục VI-5 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 17. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thuế mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh

1. Doanh nghiệp thay đổi nội dung đăng ký thuế mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

2. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế theo mẫu quy định tại Phụ lục III-10 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh cập nhật dữ liệu vào Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia để chuyển thông tin sang cơ sở dữ liệu của Tổng cục Thuế, đồng thời lưu Thông báo vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

**Chương 4.**

**ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP QUA MẠNG ĐIỆN TỬ**

**Điều 18. Đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử**

1. Người thành lập doanh nghiệp có thể lựa chọn thực hiện việc đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh hoặc đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.

2. Để thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử, người thành lập doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền (sau đây gọi chung là người thành lập doanh nghiệp) truy cập vào Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, điền đầy đủ và chính xác các thông tin theo yêu cầu. Thông qua Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia (sau đây gọi tắt là Hệ thống) tiếp nhận hồ sơ đăng ký điện tử và Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh sẽ xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử trên Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

3. Hồ sơ đăng ký điện tử được gửi qua Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia được coi là đã gửi thành công khi máy chủ của Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia nhận được.

4. Thời gian gửi, nhận các văn bản điện tử trong hồ sơ đăng ký điện tử được xác định căn cứ theo thời gian ghi lại trên máy chủ của Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

5. Doanh nghiệp có thể nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc đăng ký, trả phí để nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ chuyển phát.

6. Quy định về đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử được áp dụng đối với các trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đăng ký lập chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

**Điều 19. Đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử trong trường hợp người thành lập doanh nghiệp đã có chữ ký điện tử**

Trường hợp người thành lập doanh nghiệp có chữ ký điện tử thì việc đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử được thực hiện như sau:

1. Người thành lập doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký điện tử qua Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp cho Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

2. Khi hồ sơ đăng ký qua mạng điện tử của doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu theo quy định, thông qua Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ và người thành lập doanh nghiệp nhận được Giấy xác nhận nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.

3. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc yêu cầu người thành lập doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và gửi đến địa chỉ thư điện tử của người thành lập doanh nghiệp đã đăng ký với Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

4. Trên cơ sở hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp và xác nhận về việc người thành lập doanh nghiệp đã nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

**Điều 20. Đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử trong trường hợp người thành lập doanh nghiệp chưa có chữ ký điện tử**

Trường hợp người thành lập doanh nghiệp chưa có chữ ký điện tử thì việc đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử được thực hiện như sau:

1. Người thành lập doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký điện tử qua Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp cho Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

2. Phòng Đăng ký kinh doanh kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trên Hệ thống và thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc yêu cầu người thành lập doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và gửi đến địa chỉ thư điện tử của người thành lập doanh nghiệp đã đăng ký với Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Khi hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ và được chấp thuận trên Hệ thống, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan Thuế đề nghị tạo mã số cho doanh nghiệp và gửi qua Hệ thống cho người thành lập doanh nghiệp Giấy xác nhận nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo mẫu quy định tại Phụ lục VI-4 ban hành kèm theo Thông tư này. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký tên vào Giấy xác nhận nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.

3. Người thành lập doanh nghiệp gửi Giấy xác nhận nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử và các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy xác nhận nộp hồ sơ đăng ký qua mạng điện tử. Nếu quá thời hạn trên mà cơ quan đăng ký kinh doanh chưa nhận được hồ sơ do doanh nghiệp gửi đến thì hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử không còn hiệu lực và cơ quan đăng ký kinh doanh xóa tên doanh nghiệp trong Hệ thống.

4. Khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy do doanh nghiệp gửi đến, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu với thông tin doanh nghiệp đã khai trên Hệ thống và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung thông tin thống nhất.

**Chương 5.**

**ĐĂNG KÝ BỔ SUNG THÔNG TIN, TẠM NGỪNG KINH DOANH, GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP,**

**THU HỒI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP**

**Điều 21. Bổ sung thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**

Trường hợp doanh nghiệp chỉ bổ sung thay đổi những thông tin về số điện thoại, fax, email, website, địa chỉ của doanh nghiệp do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ của cá nhân trong hồ sơ đăng ký kinh doanh thì doanh nghiệp gửi Thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục III-9 đến Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Phòng Đăng ký kinh doanh nhận thông báo, trao Giấy biên nhận và thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp. Mỗi lần cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thuộc trường hợp này được coi là một lần đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp này, doanh nghiệp không phải nộp lệ phí.

**Điều 22. Bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp**

Trường hợp doanh nghiệp chỉ bổ sung các thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mà không làm thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì doanh nghiệp gửi Thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục III-9 đến Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Phòng Đăng ký kinh doanh bổ sung thông tin vào hồ sơ của doanh nghiệp và cập nhật thông tin vào Hệ thống. Trong trường hợp này, doanh nghiệp không phải trả phí.

**Điều 23. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**

1. Đối với hành vi vi phạm của doanh nghiệp quy định tại khoản 3 Điều 60 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP thì Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh để giải trình. Sau mười ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn hẹn trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp nhận thì Phòng Đăng ký kinh doanh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Trước khi ra thông báo về hành vi vi phạm và ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong trường hợp cần thiết, Phòng Đăng ký kinh doanh có thể mời đại diện Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan như cơ quan thuế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở quản lý ngành, … tham dự cuộc họp liên ngành để xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp.

3. Thông báo của Phòng Đăng ký kinh doanh về hành vi vi phạm của doanh nghiệp quy định tại Điều 60 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP phải được gửi đến địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, được đăng tải trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và phương tiện thông tin đại chúng địa phương.

**Điều 24. Xử lý đối với trường hợp kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp không trung thực, không chính xác**

1. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là không trung thực, không chính xác thì Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật. Sau khi có quyết định xử lý vi phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Phòng Đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp làm lại hồ sơ để cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Sau thời hạn hẹn trong thông báo của Phòng Đăng ký kinh doanh mà doanh nghiệp không nộp hồ sơ để cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì Phòng Đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp báo cáo theo quy định tại Điều 163 Luật Doanh nghiệp.

**Điều 25. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**

1. Các trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do mất, thất lạc, cháy, bị tiêu hủy được thực hiện theo quy định tại Điều 58 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

2. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp không đúng hồ sơ, trình tự, thủ tục theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo yêu cầu doanh nghiệp hoàn chỉnh và nộp hồ sơ hợp lệ theo quy định trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo để được xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

**Điều 26. Trình tự, thủ tục đăng ký giải thể doanh nghiệp**

1. Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc giải thể doanh nghiệp và thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gửi hồ sơ giải thể doanh nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 09 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

2. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông báo về việc giải thể doanh nghiệp cho cơ quan thuế, cơ quan công an cấp tỉnh trong thời hạn hai ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ giải thể hợp lệ của doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ giải thể hợp lệ của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc doanh nghiệp đã giải thể và xóa tên doanh nghiệp trong sổ đăng ký kinh doanh nếu cơ quan thuế và cơ quan công an không có yêu cầu khác.

**Điều 27. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.**

1. Khi chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp gửi Thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

Kèm theo Thông báo phải có Quyết định của Chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân, của Chủ sở hữu hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty TNHH một thành viên, của Hội đồng thành viên đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần, của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

2. Phòng Đăng ký kinh doanh nhận thông báo, nhập thông tin vào Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và thu lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; xóa địa điểm kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đối với trường hợp chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh.

**Chương 6.**

**ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH**

**Điều 28. Đăng ký hộ kinh doanh**

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

2. Giấy Đề nghị đăng ký hộ kinh doanh thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục I-6 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Danh sách cá nhân góp vốn thành lập hộ kinh doanh thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục II-5 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 50 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP chỉ được quyền đăng ký một hộ kinh doanh trên phạm vi toàn quốc và được quyền góp vốn, mua cổ phần ở doanh nghiệp với tư cách cá nhân.

5. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục IV-6 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 29. Thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh**

1. Việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh thực hiện theo quy định tại Phụ lục III-14 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Khi thay đổi nội dung kinh doanh đã đăng ký, chủ hộ kinh doanh hoặc người đại diện hộ kinh doanh gửi thông báo thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh tới cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đã đăng ký.

Khi tiếp nhận hồ sơ, Cơ quan Đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**Điều 30. Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh**

1. Khi chấm dứt hoạt động kinh doanh, hộ kinh doanh phải nộp lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho Cơ quan Đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đã đăng ký, đồng thời thanh toán đầy đủ các khoản nợ, gồm cả nợ thuế và nghĩa vụ tài chính chưa thực hiện.

2. Thông báo tạm ngừng kinh doanh, chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 55 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục III-15, III-16 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 31. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh**

1. Các trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

2. Trường hợp hộ kinh doanh không tiến hành hoạt động kinh doanh trong thời hạn sáu tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; ngừng hoạt động kinh doanh quá sáu tháng liên tục mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đăng ký thì Cơ quan Đăng ký kinh doanh thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu đại diện hộ kinh doanh đến Cơ quan Đăng ký kinh doanh để giải trình. Sau mười ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn hẹn trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp nhận thì Cơ quan Đăng ký kinh doanh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

3. Trường hợp hộ kinh doanh chuyển địa điểm kinh doanh sang quận, huyện, thị xã khác thì sau khi nhận được thông báo của hộ kinh doanh về việc chuyển địa điểm sang đơn vị cấp huyện khác, Cơ quan Đăng ký kinh doanh ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

4. Trường hợp hộ kinh doanh kinh doanh ngành, nghề bị cấm thì Cơ quan Đăng ký kinh doanh ra Thông báo về hành vi vi phạm và ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

5. Trường hợp hộ kinh doanh được thành lập bởi những người không được quyền thành lập hộ kinh doanh sẽ bị xử lý theo một trong các trường hợp sau:

a) Nếu hộ kinh doanh do một cá nhân thành lập và cá nhân đó không được quyền thành lập hộ kinh doanh thì Cơ quan Đăng ký kinh doanh ra Thông báo về hành vi vi phạm và ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

b) Nếu hộ kinh doanh do một nhóm cá nhân thành lập và một trong số cá nhân đó không được quyền thành lập hộ kinh doanh thì Cơ quan Đăng ký kinh doanh ra Thông báo về hành vi vi phạm và yêu cầu hộ kinh doanh đăng ký thay đổi cá nhân đó trong thời hạn mười lăm ngày làm việc, kể từ ngày thông báo. Quá thời hạn trên mà hộ kinh doanh không đăng ký thay đổi thì Cơ quan Đăng ký kinh doanh ra Thông báo về hành vi vi phạm và ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

6. Thông báo về hành vi vi phạm của hộ kinh doanh thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục V-10 ban hành kèm theo Thông tư này. Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục VI-2 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Chương 7.**

**HIỆU ĐÍNH THÔNG TIN, ĐỐI CHIẾU THÔNG TIN VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**VÀ ĐĂNG KÝ THUẾ SAU KHI CHUYỂN ĐỔI DỮ LIỆU**

**Điều 32. Hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**

Việc hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP được thực hiện như sau:

1. Trường hợp doanh nghiệp phát hiện nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thì doanh nghiệp gửi Giấy đề nghị hiệu đính thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III-11 ban hành kèm theo Thông tư này yêu cầu Phòng Đăng ký kinh doanh hiệu đính nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho phù hợp với hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đã nộp. Phòng Đăng ký kinh doanh nhận Giấy đề nghị, kiểm tra hồ sơ và thực hiện việc cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp trong thời hạn hai ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị của doanh nghiệp nếu thông tin trong thông báo của doanh nghiệp là chính xác.

2. Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh phát hiện nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thì gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc hiệu đính nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho phù hợp với hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đã nộp và thực hiện việc cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo. Khi đến nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp phải nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ.

3. Nếu việc hiệu đính thông tin được thực hiện trong vòng năm ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì Phòng Đăng ký kinh doanh cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp và không tính là một lần thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Nếu việc hiệu đính thông tin được thực hiện sau năm ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì Phòng Đăng ký kinh doanh cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp và việc hiệu đính được tính là một lần thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

4. Trong trường hợp hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp không phải nộp lệ phí cho việc hiệu đính thông tin.

**Điều 33. Bổ sung, hiệu đính nội dung thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp**

1. Trường hợp doanh nghiệp phát hiện nội dung thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp không có hoặc không chính xác do quá trình chuyển đổi dữ liệu, doanh nghiệp gửi Thông báo cho Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính để bổ sung hoặc hiệu đính thông tin. Kèm theo Thông báo phải có bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận Thông báo của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính có trách nhiệm bổ sung hoặc hiệu đính thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh phát hiện nội dung thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp không có hoặc không chính xác với Giấy chứng nhận bằng văn bản, trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ khi phát hiện, Phòng Đăng ký kinh doanh bổ sung, hiệu đính nội dung thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

**Điều 34. Hướng dẫn xử lý đối với trường hợp doanh nghiệp chưa đăng ký số thuế hoặc có thông tin sai khác giữa đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.**

1. Trên cơ sở dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp sau khi được chuyển đổi và dữ liệu về đăng ký thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông báo cho từng doanh nghiệp và yêu cầu doanh nghiệp:

a) Đăng ký mã số thuế trong thời hạn ba mươi ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo trong trường hợp doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mà chưa thực hiện việc đăng ký thuế. Trường hợp doanh nghiệp không thực hiện theo yêu cầu tại điểm này thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về thuế và bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 165 Luật Doanh nghiệp.

b) Báo cáo và thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn ba tháng, kể từ ngày nhận được thông báo trong trường hợp nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp chưa thống nhất. Trường hợp doanh nghiệp không thực hiện theo yêu cầu tại điểm này thì sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 165 Luật Doanh nghiệp.

2. Thông báo của Phòng Đăng ký kinh doanh về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải được gửi đến địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ nhận thông báo thuế của doanh nghiệp và đăng trên phương tiện thông tin đại chúng.

**Chương 8.**

**CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ LƯU GIỮ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP**

**Điều 35. Cung cấp thông tin về đăng ký doanh nghiệp**

1. Việc cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 31 và khoản 4 Điều 52 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

2. Khi giải quyết đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh ghi thông tin nội dung đăng ký doanh nghiệp vào sổ đăng ký kinh doanh lưu giữ tại Phòng Đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký doanh nghiệp có thể là những tệp tin điện tử.

**Điều 36. Nội dung thông tin cung cấp**

1. Các cá nhân, tổ chức có thể yêu cầu Phòng Đăng ký kinh doanh cung cấp thông tin về nội dung doanh nghiệp trong phạm vi địa phương và phải trả phí theo quy định của pháp luật.

2. Thông tin về đăng ký doanh nghiệp được công bố công khai, miễn phí trên Cổng đăng ký kinh doanh quốc gia với bốn nội dung cơ bản: tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật và ngành, nghề kinh doanh.

3. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tìm hiểu các thông tin về đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp ngoài thông tin cơ bản nêu trên phải trả lệ phí, trừ trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền có yêu cầu cung cấp thông tin bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể.

**Chương 9.**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 37. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2010

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh; Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT/BKH-BTC-BCA ngày 29 tháng 7 năm 2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Công an hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký con dấu đối với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Thông tư số 01/2009/TT-BKH ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2006/TT-BKH.

**Điều 38. Trách nhiệm thực hiện**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện, các doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Văn phòng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; - Tòa án NDTC, Viện Kiểm sát NDTC; - UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW; - Sở KH&ĐT các tỉnh, TP trực thuộc TW; - Đăng Công báo; - Các Cục, Vụ, Viện thuộc Bộ KH&ĐT; - Lưu: VP, PTDN (7). | **BỘ TRƯỞNG     Võ Hồng Phúc** |

**DANH MỤC**

**CÁC MẪU GIẤY TỜ SỬ DỤNG TRONG ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH***(ban hành kèm theo Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mẫu giấy tờ** | **Ký hiệu** |
| (1) | (2) | (3) |
| **I** | **Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh** |  |
| 1 | - Doanh nghiệp tư nhân | Phụ lục I-1 |
| 2 | - Công ty TNHH một thành viên | Phụ lục I-2 |
| 3 | - Công ty TNHH hai thành viên trở lên | Phụ lục I-3 |
| 4 | - Công ty cổ phần | Phụ lục I-4 |
| 5 | - Công ty hợp danh | Phụ lục I-5 |
| 6 | - Hộ kinh doanh | Phụ lục I-6 |
| **II** | **Các mẫu Danh sách** |  |
| 7 | - Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên | Phụ lục II-1 |
| 8 | - Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần | Phụ lục II-2 |
| 9 | - Danh sách thành viên công ty hợp danh | Phụ lục II-3 |
| 10 | - Danh sách người đại diện theo ủy quyền | Phụ lục II-4 |
| 11 | - Danh sách các cá nhân góp vốn thành lập hộ kinh doanh | Phụ lục II-5 |
| **III** | **Thông báo của doanh nghiệp, hộ kinh doanh** |  |
| 12 | - Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh | Phụ lục III-1 |
| 13 | - Thông báo về việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài | Phụ lục III-2 |
| 14 | - Thông báo chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh | Phụ lục III-3 |
| 15 | - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh | Phụ lục III-4 |
| 16 | - Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật | Phụ lục III-5 |
| 17 | - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp | Phụ lục III-6 |
| 18 | - Thông báo thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân | Phụ lục III-7 |
| 19 | - Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên | Phụ lục III-8 |
| 20 | - Thông báo thay đổi thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp | Phụ lục III-9 |
| 21 | - Thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế | Phụ lục III-10 |
| 22 | - Giấy đề nghị hiệu đính thông tin | Phụ lục III-11 |
| 23 | - Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp | Phụ lục III-12 |
| 24 | - Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp | Phụ lục III-13 |
| 25 | - Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký của hộ kinh doanh | Phụ lục III-14 |
| 26 | - Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh | Phụ lục III-15 |
| 27 | - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh | Phụ lục III-16 |
| **IV** | **Các mẫu Giấy chứng nhận** |  |
| 28 | - Doanh nghiệp tư nhân | Phụ lục IV-1 |
| 29 | - Công ty TNHH một thành viên | Phụ lục IV-2 |
| 30 | - Công ty TNHH hai thành viên trở lên | Phụ lục IV-3 |
| 31 | - Công ty cổ phần | Phụ lục IV-4 |
| 32 | - Công ty hợp danh | Phụ lục IV-5 |
| 33 | - Hộ kinh doanh | Phụ lục IV-6 |
| 34 | - Chi nhánh, văn phòng đại diện | Phụ lục IV-7 |
| **V** | **Thông báo của Cơ quan Đăng ký kinh doanh** |  |
| 35 | - Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp | Phụ lục V-1 |
| 36 | - Thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | Phụ lục V-2 |
| 37 | - Thông báo yêu cầu doanh nghiệp báo cáo về tình hình kinh doanh | Phụ lục V-3 |
| 38 | - Thông báo về việc kiểm tra thông tin về đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế | Phụ lục V-4 |
| 39 | - Thông báo yêu cầu doanh nghiệp đăng ký mã số thuế | Phụ lục V-5 |
| 40 | - Thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện | Phụ lục V-6 |
| 41 | - Thông báo về việc đăng ký giải thể của doanh nghiệp | Phụ lục V-7 |
| 42 | - Thông báo về việc doanh nghiệp giải thể | Phụ lục V-8 |
| 43 | - Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh | Phụ lục V-9 |
| 44 | - Thông báo về việc vi phạm của hộ kinh doanh thuộc trường hợp phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh | Phụ lục V-10 |
| **VI** | **Các mẫu khác** |  |
| 45 | - Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | Phụ lục VI-1 |
| 46 | - Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh | Phụ lục VI-2 |
| 47 | - Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của CN, VPĐD | Phụ lục VI-3 |
| 48 | - Giấy xác nhận nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử | Phụ lục VI-4 |
| 49 | - Giấy đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | Phụ lục VI-5 |
| 50 | - Giấy biên nhận | Phụ lục VI-6 |
| **VII** | **Phụ lục khác** |  |
| 51 | - Bảng chữ cái sử dụng trong đặt tên doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và hộ kinh doanh | Phụ lục VII-1 |
| 52 | - Mã cấp tỉnh, cấp huyện sử dụng trong đăng ký hộ kinh doanh | Phụ lục VII-2 |
| 53 | - Hướng dẫn về (font) chữ, cỡ chữ, kiểu chữ sử dụng trong các mẫu giấy | Phụ lục VII-3 |

**PHỤ LỤC I-1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
--------------**

*…., ngày … tháng … năm………*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố …………….

Tôi là *(ghi họ tên bằng chữ in hoa):* …………..................…….. Giới tính:

Sinh ngày: …../…../……. Dân tộc: ………………… Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: …../....…/…….. Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND):*

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: …../....…/…….. Ngày hết hạn: ………/...…/…… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: …………………………………. Fax:

Email: ………………………………………. Website:

**Đăng ký doanh nghiệp tư nhân do tôi làm chủ với các nội dung sau:**

**1. Tên doanh nghiệp:**

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt *(ghi bằng chữ in hoa):*

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có):*

Tên doanh nghiệp viết tắt *(nếu có):*

**2. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: ………………………………………. Fax:

Email: …………………………………………… Website:

**3. Ngành, nghề kinh doanh** *(ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|  |  |  |
|  |  |  |

**4. Vốn đầu tư ban đầu:**

Tổng số *(bằng số; VNĐ):*

Trong đó:

- Tiền Việt Nam:

- Ngoại tệ tự do chuyển đổi:

- Vàng:

- Giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật:

- Tài sản khác *(ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp):*

**5. Vốn pháp định:** *(đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ):*

**6. Thông tin đăng ký thuế:**

|  |  |
| --- | --- |
| STT | Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế |
| 1 | Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng *(nếu có):*  Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc):  Điện thoại:  Họ và tên Kế toán trưởng:  Điện thoại: |
| 2 | Địa chỉ nhận thông báo thuế *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính):*  Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:  Xã/Phường/Thị trấn:  Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:  Tỉnh/Thành phố:  Điện thoại: ………………………………………….. Fax:  Email: |
| 3 | Ngày bắt đầu hoạt động *(trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):* ….../...…/…… |
| 4 | Hình thức hạch toán *(đánh dấu X vào ô thích hợp):*   |  |  | | --- | --- | | Hạch toán độc lập |  | | Hạch toán phụ thuộc |  | |
| 5 | Năm tài chính:  Áp dụng từ ngày …./….. đến ngày …/….  *(Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)* |
| 6 | Tổng số lao động *(dự kiến):* |
| 7 | Đăng ký xuất khẩu *(Có/Không):* |
| 8 | Tài khoản ngân hàng, kho bạc *(nếu có tại thời điểm kê khai):*  Tài khoản ngân hàng:  Tài khoản kho bạc: |
| 9 | Các loại thuế phải nộp *(đánh dấu X vào ô thích hợp):*   |  |  | | --- | --- | | Giá trị gia tăng |  | | Tiêu thụ đặc biệt |  | | Thuế xuất, nhập khẩu |  | | Tài nguyên |  | | Thu nhập doanh nghiệp |  | | Môn bài |  | | Tiền thuê đất |  | | Phí, lệ phí |  | | Thu nhập cá nhân |  | | Khác |  | |
| 10 | Ngành, nghề kinh doanh chính1: |

*1 Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 3 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.*

Tôi cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp, không đồng thời là chủ doanh nghiệp tư nhân khác, không là chủ hộ kinh doanh khác, không là thành viên hợp danh của công ty hợp danh (trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại);

- Trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của tôi và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ gửi kèm: - ……………… - ……………… - ……………… | **CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN** *(Ký và ghi họ tên)* |

**PHỤ LỤC I-2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
--------------**

*…., ngày … tháng … năm………*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố …………….

Tôi là *(ghi họ tên bằng chữ in hoa):* ………...................……….. Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: …../…../……. Dân tộc: ………………… Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: …../...…/…….. Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND):*

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: …../..…./…… Ngày hết hạn: ………/…...../…… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: …………………………………. Fax:

Email: ………………………………………. Website:

**Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tôi là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:**

**1. Tình trạng thành lập** *(đánh dấu X vào ô thích hợp)*

|  |  |
| --- | --- |
| Thành lập mới |  |
| Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp |  |
| Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp |  |
| Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp |  |
| Thành lập trên cơ sở chuyển đổi |  |

**2. Tên công ty:**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt *(ghi bằng chữ in hoa):*

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có):*

Tên công ty viết tắt *(nếu có):*

**3. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: ………………………………………. Fax:

Email: …………………………………………… Website:

**4. Ngành, nghề kinh doanh** *(ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|  |  |  |
|  |  |  |

**5. Chủ sở hữu:**

***a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân*** *(chỉ kê khai nếu chủ sở hữu không phải là người đại diện theo pháp luật):*

Họ tên chủ sở hữu *(ghi bằng chữ in hoa):* …………………………… Giới tính:

Sinh ngày: …../…../……. Dân tộc: ………………… Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: …../....…/…….. Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND):*

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: …../....…/…….. Ngày hết hạn: ………/…...../…… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: …………………………………. Fax:

Email: ………………………………………. Website:

***b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:***

Tên tổ chức *(ghi bằng chữ in hoa):*

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Do: ………………………………… cấp/phê duyệt ngày ……./........./

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: …………………………………. Fax:

Email: ………………………………………. Website:

Danh sách người đại diện theo ủy quyền *(kê khai theo mẫu nếu có):* Gửi kèm

Mô hình tổ chức công ty *(đánh dấu X vào ô thích hợp):*

|  |  |
| --- | --- |
| Hội đồng thành viên |  |
| Chủ tịch công ty |  |

**6. Vốn điều lệ** *(bằng số; VNĐ):*

**7. Nguồn vốn điều lệ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Loại nguồn vốn | Tỷ lệ (%) | Số tiền *(bằng số; VNĐ)* |
| Vốn trong nước:  + Vốn nhà nước  + Vốn tư nhân |  |  |
| Vốn nước ngoài |  |  |
| Vốn khác |  |  |
| Tổng cộng |  |  |

**8. Vốn pháp định:** *(đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ):*

**9. Thông tin đăng ký thuế:**

|  |  |
| --- | --- |
| STT | Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế |
| 1 | Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng *(nếu có):*  Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc) *(chỉ kê khai nếu Giám đốc, Tổng giám đốc không phải là người đại diện theo pháp luật của công ty)*:  Điện thoại:  Họ và tên Kế toán trưởng:  Điện thoại: |
| 2 | Địa chỉ nhận thông báo thuế *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính):*  Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:  Xã/Phường/Thị trấn:  Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố trực thuộc tỉnh:  Tỉnh/Thành phố:  Điện thoại: ………………………………………….. Fax:  Email: |
| 3 | Ngày bắt đầu hoạt động *(trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):* ….../....…/……… |
| 4 | Hình thức hạch toán *(đánh dấu X vào ô thích hợp):*   |  |  | | --- | --- | | Hạch toán độc lập |  | | Hạch toán phụ thuộc |  | |
| 5 | Năm tài chính:  Áp dụng từ ngày …./….. đến ngày …/….  *(Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)* |
| 6 | Tổng số lao động *(dự kiến):* |
| 7 | Đăng ký xuất khẩu *(Có/Không):* |
| 8 | Tài khoản ngân hàng, kho bạc *(nếu có tại thời điểm kê khai):*  Tài khoản ngân hàng:  Tài khoản kho bạc: |
| 9 | Các loại thuế phải nộp *(đánh dấu X vào ô thích hợp):*   |  |  | | --- | --- | | Giá trị gia tăng |  | | Tiêu thụ đặc biệt |  | | Thuế xuất, nhập khẩu |  | | Tài nguyên |  | | Thu nhập doanh nghiệp |  | | Môn bài |  | | Tiền thuê đất |  | | Phí, lệ phí |  | | Thu nhập cá nhân |  | | Khác |  | |
| 10 | Ngành, nghề kinh doanh chính1: |

*1 Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.*

**10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi** *(chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):*

i) Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa):*

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):*

ii) Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa):*

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):*

Tôi cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ gửi kèm: - …………….. - ……………… - ………………. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY** *(Ký và ghi họ tên)* |

**PHỤ LỤC I-3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
-----------------**

*…., ngày … tháng … năm………*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố …………….

Tôi là *(ghi họ tên bằng chữ in hoa):* ………...................……….. Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: …../…../……. Dân tộc: ………………… Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: …../....…/…….. Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND):*

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: …../....…/…….. Ngày hết hạn: ……/...…/…… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: …………………………………. Fax:

Email: ………………………………………. Website:

**Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do tôi là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:**

**1. Tình trạng thành lập** *(đánh dấu X vào ô thích hợp)*

|  |  |
| --- | --- |
| Thành lập mới |  |
| Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp |  |
| Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp |  |
| Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp |  |
| Thành lập trên cơ sở chuyển đổi |  |

**2. Tên công ty:**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt *(ghi bằng chữ in hoa):*

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có):*

Tên công ty viết tắt *(nếu có):*

**3. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: ………………………………………. Fax:

Email: …………………………………………… Website:

**4. Ngành, nghề kinh doanh** *(ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|  |  |  |
|  |  |  |

**5. Vốn điều lệ** *(bằng số; VNĐ):*

**6. Nguồn vốn điều lệ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Loại nguồn vốn | Tỷ lệ (%) | Số tiền *(bằng số; VNĐ)* |
| Vốn trong nước:  + Vốn nhà nước  + Vốn tư nhân |  |  |
| Vốn nước ngoài |  |  |
| Vốn khác |  |  |
| Tổng cộng |  |  |

**7. Vốn pháp định** *(đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ):*

**8. Danh sách thành viên công ty** *(kê khai theo mẫu):* Gửi kèm

**9. Thông tin đăng ký thuế:**

|  |  |
| --- | --- |
| STT | Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế |
| 1 | Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng *(nếu có):*  Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc) *(chỉ kê khai nếu Giám đốc, Tổng giám đốc không phải là người đại diện theo pháp luật của công ty)*:  Điện thoại:  Họ và tên Kế toán trưởng:  Điện thoại: |
| 2 | Địa chỉ nhận thông báo thuế *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính):*  Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:  Xã/Phường/Thị trấn:  Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố trực thuộc tỉnh:  Tỉnh/Thành phố:  Điện thoại: ………………………………………….. Fax:  Email: |
| 3 | Ngày bắt đầu hoạt động *(trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):* ….../....…/……… |
| 4 | Hình thức hạch toán *(đánh dấu X vào ô thích hợp):*   |  |  | | --- | --- | | Hạch toán độc lập |  | | Hạch toán phụ thuộc |  | |
| 5 | Năm tài chính:  Áp dụng từ ngày …./….. đến ngày …/….  *(Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)* |
| 6 | Tổng số lao động *(dự kiến):* |
| 7 | Đăng ký xuất khẩu *(Có/Không):* |
| 8 | Tài khoản ngân hàng, kho bạc *(nếu có tại thời điểm kê khai):*  Tài khoản ngân hàng:  Tài khoản kho bạc: |
| 9 | Các loại thuế phải nộp *(đánh dấu X vào ô thích hợp):*   |  |  | | --- | --- | | Giá trị gia tăng |  | | Tiêu thụ đặc biệt |  | | Thuế xuất, nhập khẩu |  | | Tài nguyên |  | | Thu nhập doanh nghiệp |  | | Môn bài |  | | Tiền thuê đất |  | | Phí, lệ phí |  | | Thu nhập cá nhân |  | | Khác |  | |
| 10 | Ngành, nghề kinh doanh chính1: |

*1 Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.*

**10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi** *(chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):*

i) Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa):*

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):*

ii) Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa):*

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):*

Tôi cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ gửi kèm: - Danh sách thành viên công ty; - ……………… - ………………. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY** *(Ký và ghi họ tên)* |

**PHỤ LỤC I-4**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
--------------**

*…., ngày … tháng … năm………*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố …………….

Tôi là *(ghi họ tên bằng chữ in hoa):* ………...................……….. Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: …../…../……. Dân tộc: ………………… Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: …../..…/…….. Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND):*

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: …../….../…… Ngày hết hạn: ……/……/…… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: …………………………………. Fax:

Email: ………………………………………. Website:

**Đăng ký công ty cổ phần do tôi là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:**

**1. Tình trạng thành lập** *(đánh dấu X vào ô thích hợp)*

|  |  |
| --- | --- |
| Thành lập mới |  |
| Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp |  |
| Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp |  |
| Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp |  |
| Thành lập trên cơ sở chuyển đổi |  |

**2. Tên công ty:**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt *(ghi bằng chữ in hoa):*

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có):*

Tên công ty viết tắt *(nếu có):*

**3. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: ………………………………………. Fax:

Email: …………………………………………… Website:

**4. Ngành, nghề kinh doanh** *(ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|  |  |  |
|  |  |  |

**5. Vốn điều lệ** *(bằng số; VNĐ):*

Tổng số cổ phần:

Mệnh giá cổ phần:

**6. Số cổ phần, loại cổ phần dự kiến chào bán:**

**7. Nguồn vốn điều lệ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Loại nguồn vốn | Tỷ lệ (%) | Số tiền *(bằng số; VNĐ)* |
| Vốn trong nước:  + Vốn nhà nước  + Vốn tư nhân |  |  |
| Vốn nước ngoài |  |  |
| Vốn khác |  |  |
| Tổng cộng |  |  |

**8. Vốn pháp định** *(đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ):*

**9. Danh sách cổ đông sáng lập** *(kê khai theo mẫu):* Gửi kèm

**10. Thông tin đăng ký thuế:**

|  |  |
| --- | --- |
| STT | Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế |
| 1 | Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng *(nếu có):*  Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc) *(chỉ kê khai nếu Giám đốc, Tổng giám đốc không phải là người đại diện theo pháp luật của công ty)*:  Điện thoại:  Họ và tên Kế toán trưởng:  Điện thoại: |
| 2 | Địa chỉ nhận thông báo thuế *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính):*  Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:  Xã/Phường/Thị trấn:  Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố trực thuộc tỉnh:  Tỉnh/Thành phố:  Điện thoại: ………………………………………….. Fax:  Email: |
| 3 | Ngày bắt đầu hoạt động *(trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):* ….../....…/……… |
| 4 | Hình thức hạch toán *(đánh dấu X vào ô thích hợp):*   |  |  | | --- | --- | | Hạch toán độc lập |  | | Hạch toán phụ thuộc |  | |
| 5 | Năm tài chính:  Áp dụng từ ngày …./….. đến ngày …/….  *(Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)* |
| 6 | Tổng số lao động *(dự kiến):* |
| 7 | Đăng ký xuất khẩu *(Có/Không):* |
| 8 | Tài khoản ngân hàng, kho bạc *(nếu có tại thời điểm kê khai):*  Tài khoản ngân hàng:  Tài khoản kho bạc: |
| 9 | Các loại thuế phải nộp *(đánh dấu X vào ô thích hợp):*   |  |  | | --- | --- | | Giá trị gia tăng |  | | Tiêu thụ đặc biệt |  | | Thuế xuất, nhập khẩu |  | | Tài nguyên |  | | Thu nhập doanh nghiệp |  | | Môn bài |  | | Tiền thuê đất |  | | Phí, lệ phí |  | | Thu nhập cá nhân |  | | Khác |  | |
| 10 | Ngành, nghề kinh doanh chính1: |

*1 Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.*

**11. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi** *(chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):*

i) Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa):*

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):*

ii) Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa):*

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):*

Tôi cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ gửi kèm: - Danh sách cổ công sáng lập; - ……………… - ………………. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY** *(Ký và ghi họ tên)* |

**PHỤ LỤC I-5**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
--------------**

*…., ngày … tháng … năm………*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY HỢP DANH**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố …………….

Tôi là *(ghi họ tên bằng chữ in hoa)*: ……....................………….. Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: …../…..../……. Dân tộc: ………………… Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: …../….../…….. Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND):*

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: …../….../…… Ngày hết hạn: ……/...…/…… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: …………………………………. Fax:

Email: ………………………………………. Website:

Là Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty

**Đăng ký công ty hợp danh với các nội dung sau:**

**1. Tình trạng thành lập** *(đánh dấu X vào ô thích hợp)*

|  |  |
| --- | --- |
| Thành lập mới |  |
| Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp |  |
| Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp |  |
| Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp |  |

**2. Tên công ty:**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt *(ghi bằng chữ in hoa):*

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có):*

Tên công ty viết tắt *(nếu có):*

**3. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: ………………………………………. Fax:

Email: …………………………………………… Website:

**4. Ngành, nghề kinh doanh** *(ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|  |  |  |
|  |  |  |

**5. Vốn điều lệ** *(bằng số; VNĐ):*

**6. Nguồn vốn điều lệ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Loại nguồn vốn | Tỷ lệ (%) | Số tiền *(bằng số; VNĐ)* |
| Vốn trong nước:  + Vốn nhà nước  + Vốn tư nhân |  |  |
| Vốn nước ngoài |  |  |
| Vốn khác |  |  |
| Tổng cộng |  |  |

**7. Vốn pháp định** *(đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ):*

**8. Danh sách thành viên công ty** *(kê khai theo mẫu):* Gửi kèm

**9. Thông tin đăng ký thuế:**

|  |  |
| --- | --- |
| STT | Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế |
| 1 | Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng *(nếu có):*  Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc) *(chỉ kê khai nếu Giám đốc, Tổng giám đốc không phải là người đại diện theo pháp luật của công ty)*:  Điện thoại:  Họ và tên Kế toán trưởng:  Điện thoại: |
| 2 | Địa chỉ nhận thông báo thuế *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính):*  Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:  Xã/Phường/Thị trấn:  Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố trực thuộc tỉnh:  Tỉnh/Thành phố:  Điện thoại: ………………………………………….. Fax:  Email: |
| 3 | Ngày bắt đầu hoạt động *(trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):* ….../....…/……… |
| 4 | Hình thức hạch toán *(đánh dấu X vào ô thích hợp):*   |  |  | | --- | --- | | Hạch toán độc lập |  | | Hạch toán phụ thuộc |  | |
| 5 | Năm tài chính:  Áp dụng từ ngày …./….. đến ngày …/….  *(Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)* |
| 6 | Tổng số lao động *(dự kiến):* |
| 7 | Đăng ký xuất khẩu *(Có/Không):* |
| 8 | Tài khoản ngân hàng, kho bạc *(nếu có tại thời điểm kê khai):*  Tài khoản ngân hàng:  Tài khoản kho bạc: |
| 9 | Các loại thuế phải nộp *(đánh dấu X vào ô thích hợp):*   |  |  | | --- | --- | | Giá trị gia tăng |  | | Tiêu thụ đặc biệt |  | | Thuế xuất, nhập khẩu |  | | Tài nguyên |  | | Thu nhập doanh nghiệp |  | | Môn bài |  | | Tiền thuê đất |  | | Phí, lệ phí |  | | Thu nhập cá nhân |  | | Khác |  | |
| 10 | Ngành, nghề kinh doanh chính1: |

*1 Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.*

**10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất** *(chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất):*

i) Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa):*

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):*

ii) Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa):*

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):*

Tôi và các thành viên hợp danh cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp; không đồng thời là thành viên hợp danh của công ty hợp danh khác; không là chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ hộ kinh doanh (trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại);

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

|  |  |
| --- | --- |
| **CÁC THÀNH VIÊN HỢP DANH** *(Ký và ghi họ tên từng thành viên)* | **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CỦA CÔNG TY** *(Ký và ghi họ tên)* |
| Các giấy tờ gửi kèm: - Danh sách thành viên công ty; - ……………… - ………………. |  |

**PHỤ LỤC I-6**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
-----------------**

*…., ngày … tháng … năm………*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH**

Kính gửi: *(Tên cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)*

Tôi là *(ghi họ tên bằng chữ in hoa):* …....................…………….. Giới tính:

Sinh ngày: …../…../……. Dân tộc: ………………… Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: …../….../…….. Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND):*

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: …../….../…… Ngày hết hạn: ……/...…/…… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: …………………………………. Fax:

Email: ………………………………………. Website:

**Đăng ký hộ kinh doanh với các nội dung sau:**

**1. Tên hộ kinh doanh** *(ghi bằng chữ in hoa):*

**2. Địa điểm kinh doanh:**

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: ………………………………………. Fax:

Email: …………………………………………… Website:

**3. Ngành, nghề kinh doanh:**

**4. Vốn kinh doanh:**

Tổng số*(bằng số; VNĐ):*

Phần vốn góp của mỗi cá nhân *(đối với trường hợp hộ kinh doanh do một nhóm cá nhân góp vốn thành lập; kê khai theo mẫu):* Gửi kèm

Tôi và các cá nhân tham gia thành lập hộ kinh doanh cam kết:

- Bản thân không thuộc diện pháp luật cấm kinh doanh; không đồng thời là chủ hộ kinh doanh khác; không là chủ doanh nghiệp tư nhân; không là thành viên hợp danh của công ty hợp danh (trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại);

- Địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của tôi và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký trên.

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ gửi kèm: - ……………… - ……………… - ………………. | **ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH** *(Ký và ghi họ tên)* |

**PHỤ LỤC II-1**

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thành viên | Ngày tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức | Vốn góp | | | Thời điểm góp vốn | Chữ ký của thành viên | Ghi chú3 |
| Giá trị phần vốn góp1 *(bằng số; VNĐ)* | Tỷ lệ (%) | Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn2 |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……, ngày … tháng … năm …..* **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*4 |

1 *Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.*

*2 Loại tài sản góp vốn bao gồm:*

*- Tiền Việt Nam*

*- Ngoại tệ tự do chuyển đổi*

*- Vàng*

*- Giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật*

*- Tài sản khác*

*3 Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét ghi các nội dung Ghi chú theo đề nghị của doanh nghiệp*

*4 Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.*

**PHỤ LỤC II-2**

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên cổ đông sáng lập | Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Số, ngày, nơi cấp chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức | Vốn góp | | | | | | | | | | Chữ ký của cổ đông sáng lập | Ghi chú 2 |
| Tổng số cổ phần1 | | Tỷ lệ (%) | Loại cổ phần | | | | | | Thời điểm góp vốn |
| Số lượng | Giá trị | Phổ thông | | … | | … | |
| Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……, ngày … tháng … năm …..* **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*3 |

1 *Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản.*

*2 Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét ghi các nội dung Ghi chú theo đề nghị của doanh nghiệp*

*3 Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.*

**PHỤ LỤC II-3**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thành viên | Ngày tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Số, ngày, nơi cấp chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức | Nghề nghiệp, trình độ chuyên môn của thành viên hợp danh | Vốn góp | | | Chữ ký của thành viên | Ghi chú2 |
| Giá trị phần vốn góp *(bằng số; VNĐ)1* | Tỷ lệ (%) | Thời điểm góp vốn |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** |
|  | A. Thành viên hợp danh |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | B. Thành viên góp vốn *(nếu có)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……, ngày … tháng … năm …..* **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*3 |

1 *Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.*

*2 Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét ghi các nội dung Ghi chú theo đề nghị của doanh nghiệp*

*3 Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.*

**PHỤ LỤC II-4**

**DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên người đại diện theo ủy quyền | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Chỗ ở hiện tại | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú | Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân hoặc chứng thực cá nhân khác | Vốn được ủy quyền | | | Chữ ký | Ghi chú1 |
| Tổng giá trị vốn được đại diện | Tỷ lệ (%) | Thời điểm đại diện phần vốn |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……, ngày … tháng … năm …..* **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*2 |

*1 Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét ghi nội dung Ghi chú theo đề nghị của doanh nghiệp*

*2 Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.*

**PHỤ LỤC II-5**

**DANH SÁCH CÁC CÁ NHÂN GÓP VỐN THÀNH LẬP HỘ KINH DOANH**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ tên | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Chỗ ở hiện tại | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú | Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu | Vốn góp | | | Thời điểm góp vốn | Chữ ký |
| Giá trị phần vốn góp1 (*bằng số; VNĐ)* | Tỷ lệ (%) | Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn2 |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……, ngày … tháng … năm …..* **ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH** *(Ký và ghi họ tên)* |

*1 Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng cá nhân.*

*2 Loại tài sản góp vốn bao gồm:*

*- Tiền Việt Nam*

*- Ngoại tệ tự do chuyển đổi*

*- Vàng*

*- Giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật*

*- Tài sản khác*

**PHỤ LỤC III-1**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP ------------**  Số: …………. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ----------------**  *…., ngày … tháng … năm………* |

**THÔNG BÁO**

**LẬP CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố …………….

Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa):*

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):*

**Đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Thông báo lập địa điểm kinh doanh với các nội dung sau:**

**1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh** *(ghi bằng chữ in hoa):*

**2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:**

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: ………………………………………. Fax:

Email: …………………………………………… Website:

**3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:**

a) Ngành, nghề kinh doanh *(đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|  |  |  |
|  |  |  |

b) Nội dung hoạt động *(đối với văn phòng đại diện):*

**4. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:**

Họ tên người đứng đầu *(ghi bằng chữ in hoa):* ……………….. Giới tính:

Sinh ngày: …../…../……. Dân tộc: ………………… Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: …../...…/…….. Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND):*

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: …../..…./…… Ngày hết hạn: ……/...…/…… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: …………………………………. Fax:

Email: ………………………………………. Website:

**5. Chi nhánh chủ quản** *(chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):*

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh *(trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh):*

**6. Thông tin đăng ký thuế:**

|  |  |
| --- | --- |
| STT | Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế |
| 1 | Địa chỉ nhận thông báo thuế *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính):*  Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:  Xã/Phường/Thị trấn:  Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố trực thuộc tỉnh:  Tỉnh/Thành phố:  Điện thoại: ………………………………………….. Fax:  Email: |
| 2 | Ngày bắt đầu hoạt động *(trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):* ….../....…/……… |
| 3 | Hình thức hạch toán *(đánh dấu X vào ô thích hợp):*   |  |  | | --- | --- | | Hạch toán độc lập |  | | Hạch toán phụ thuộc |  | |
| 4 | Năm tài chính:  Áp dụng từ ngày …./….. đến ngày …/….  *(Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)* |
| 5 | Tổng số lao động *(dự kiến):* |
| 6 | Đăng ký xuất khẩu *(Có/Không):* |
| 7 | Tài khoản ngân hàng, kho bạc *(nếu có tại thời điểm kê khai):*  Tài khoản ngân hàng:  Tài khoản kho bạc: |
| 8 | Các loại thuế phải nộp *(đánh dấu X vào ô thích hợp):*   |  |  | | --- | --- | | Giá trị gia tăng |  | | Tiêu thụ đặc biệt |  | | Thuế xuất, nhập khẩu |  | | Tài nguyên |  | | Thu nhập doanh nghiệp |  | | Môn bài |  | | Tiền thuê đất |  | | Phí, lệ phí |  | | Thu nhập cá nhân |  | | Khác |  | |
| 9 | Ngành, nghề kinh doanh/Nội dung hoạt động chính1: |

1 *Chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động liệt kê tại mục 3 dự kiến là nội dung hoạt động chính của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh tại thời điểm đăng ký.*

Doanh nghiệp cam kết:

- Trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ gửi kèm: - ……………… - ……………… - ………………. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC III-2**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP ---------**  Số: …………. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------**  *…., ngày … tháng … năm………* |

**THÔNG BÁO**

**V/v lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố …………….

Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa):*

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):*

**Thông báo về việc lập chi nhánh/văn phòng đại diện ở nước ngoài như sau:**

**1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh** *(ghi bằng chữ in hoa):*

**2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:**

Điện thoại: …………………………………. Fax:

Email: ………………………………………. Website:

**3. Số Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương khác:**

Do *(tên cơ quan nước ngoài cấp):*

………………………..................................………………….. cấp ngày: ……../………/….

**4. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:**

a) Ngành, nghề kinh doanh *(đối với chi nhánh):*

b) Nội dung hoạt động *(đối với văn phòng đại diện):*

**5. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện:**

Họ tên người đứng đầu *(ghi bằng chữ in hoa):* ……………………............. Giới tính:

Sinh ngày: …../..…../……. Dân tộc: ………………… Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: …../....…/…….. Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND):*

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: …../..…./…… Ngày hết hạn: ……/....…/…… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: …………………………………. Fax:

Email: ………………………………………. Website:

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ gửi kèm: - ……………… - ……………… - ………………. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC III-3**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP ---------**  Số: …………. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------**  *…., ngày … tháng … năm………* |

**THÔNG BÁO CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG   
CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố …………….

Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa):*

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):*

**Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:**

**1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh** *(ghi bằng chữ in hoa):*

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động *(chỉ kê khai nếu không có mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh và mã số thuế chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh):*

**2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:**

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: …………………………………. Fax:

Email: ………………………………………. Website:

**3. Chi nhánh chủ quản:** *(chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký chấm dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):*

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh *(trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh):*

Do Phòng Đăng ký kinh doanh: ……………………................… cấp ngày: ……../………/

Doanh nghiệp cam kết đã thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ gửi kèm: - ……………… - ……………… - ………………. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC III-4**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP ------------**  Số: …………. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ------------------**  *…., ngày … tháng … năm………* |

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG  
CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố …………….

Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa):*

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):*

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh*(ghi bằng chữ in hoa):*

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc Mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện *(trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh):*

**Nội dung đăng ký thay đổi:**

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ gửi kèm: - ……………… - ……………… - ………………. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC III-5**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP -----------**  Số: …………. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ----------------**  *…., ngày … tháng … năm………* |

**THÔNG BÁO   
THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố …………….

Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa):*

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):*

**Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:**

**1. Người đại diện theo pháp luật hiện tại:**

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa): .....................*……………………. Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: …../…../……. Dân tộc: ………………… Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: …../....…/…….. Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND):*

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: …../...…./…… Ngày hết hạn: ……/....…/…… Nơi cấp:

**2. Người đại diện theo pháp luật dự kiến:**

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa): ................*……………………. Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: …../…../……. Dân tộc: ………………… Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: …../....…/…….. Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND):*

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: …../….../…… Ngày hết hạn: ……/...…/…… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: …………………………………. Fax:

Email: ………………………………………. Website:

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ gửi kèm: - ……………… - ……………… - ………………. | **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/ CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY/ CHỦ TỊCH CÔNG TY/ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ1** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

1 *Chức danh cụ thể của người ký Thông báo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.*

**PHỤ LỤC III-6**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP ------------**  Số: …………. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------------**  *…., ngày … tháng … năm………* |

**THÔNG BÁO   
THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố …………….

Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa):*

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):*

**Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:**

*(Đánh dấu X vào nội dung dự kiến thay đổi)1*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung đăng ký thay đổi** | **Đánh dấu** |
| - Tên doanh nghiệp | ⬜ |
| - Địa chỉ trụ sở chính | ⬜ |
| - Ngành, nghề kinh doanh | ⬜ |
| - Người đại diện theo ủy quyền công ty TNHH một thành viên, thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên, thành viên công ty hợp danh, cổ đông sáng lập công ty cổ phần. | ⬜ |
| - Vốn đầu tư của doanh nghiệp tư nhân/vốn điều lệ của công ty | ⬜ |

1 *Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký thay đổi và gửi kèm.*

**Đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp**

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi *(ghi bằng chữ in hoa):*

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi *(nếu có):*

Tên doanh nghiệp viết tắt dự kiến thay đổi *(nếu có):*

**Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính**

**1. Địa chỉ trụ sở chính dự định chuyển đến:**

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: …………………………………. Fax:

Email: ………………………………………. Website:

**2. Thông tin về người đại diện theo pháp luật1**

Họ và tên người đại diện theo pháp luật:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: …../...…/…….. Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND):*

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: …../…./…… Ngày hết hạn: ……/...…/…… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

1 *Chỉ kê khai trong trường hợp chuyển trụ sở chính của doanh nghiệp sang tỉnh, thành phố khác theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.*

**Đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh**

Ghi ngành, nghề kinh doanh dự kiến sau khi bổ sung hoặc thay đổi *(ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên ngành** | **Mã ngành** |
|  |  |  |
|  |  |  |

**Đăng ký thay đổi người đại diện theo ủy quyền công ty TNHH một thành viên/thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên/thành viên công ty hợp danh/cổ đông sáng lập công ty cổ phần**

1. Trường hợp thay đổi người đại diện theo ủy quyền: kê khai theo Danh sách người đại diện theo ủy quyền mới mẫu quy định tại Phụ lục II-4.

2. Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH 2 thành viên trở lên, công ty hợp danh: kê khai theo mẫu Danh sách thành viên quy định tại Phụ lục II-1 hoặc Phụ lục II-3 các nội dung: giá trị vốn góp, phần vốn góp, thời điểm góp vốn, loại tài sản góp vốn, số lượng và giá trị của từng loại tài sản góp vốn của các thành viên mới; phần vốn góp đã thay đổi tương ứng đối với thành viên hiện có sau khi tiếp nhận thành viên mới.

3. Trường hợp thay đổi cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục II-2 các nội dung: phần vốn góp sau khi góp bù của các cổ đông sáng lập còn lại đối với trường hợp cổ đông sáng lập còn lại nhận góp bù cho đủ vốn; thông tin về người nhận góp bù đối với trường hợp người nhận góp bù không phải là cổ đông sáng lập.

**Đăng ký thay đổi vốn đầu tư, vốn điều lệ, tỷ lệ vốn góp, tỷ lệ vốn đại diện**

**1. Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân/vốn điều lệ của công ty:**

Vốn đầu tư/vốn điều lệ đã đăng ký:

Vốn đầu tư/vốn điều lệ dự kiến thay đổi:

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

**2. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp**

*(Kê khai tỷ lệ vốn góp dự kiến thay đổi của thành viên công ty TNHH 2 thành viên trở lên/thành viên công ty hợp danh/cổ đông sáng lập công ty cổ phần theo mẫu tương ứng quy định tại Phụ lục II-1, Phụ lục II-2, Phụ lục II-3)*

**3. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn đại diện**

*(Kê khai tỷ lệ vốn đại diện dự kiến thay đổi của người đại diện theo ủy quyền công ty TNHH 1 thành viên theo mẫu quy định tại Phụ lục II-4)*

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ gửi kèm: - …………………. - …………………. - …………………. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC III-7**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP ---------**  Số: …………. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------**  *…., ngày … tháng … năm………* |

**THÔNG BÁO   
THAY ĐỔI CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố …………….

Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa):*

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):*

**Thông báo thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân với các nội dung sau:**

Trường hợp thay đổi chủ doanh nghiệp *(Chọn một trong các trường hợp thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân)*

|  |  |
| --- | --- |
| Tặng cho DNTN |  |
| Chủ doanh nghiệp chết, mất tích |  |
| Bán doanh nghiệp tư nhân |  |

**1. Người tặng cho/Người chết, mất tích/Người bán**

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa): .............*………………………………….. Giới tính:

Sinh ngày: ….../...…./………. Dân tộc: …………………….. Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: ……/……/…… Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND):*

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: …../…./…… Ngày hết hạn: ……/...…/…… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại *(trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân chết, mất tích không cần kê khai nội dung này):*

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: …………………………………. Fax:

Email: ………………………………………. Website:

**2. Người được tặng cho/Người thừa kế/Người mua**

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa):* ……...............…………………………….. Giới tính:

Sinh ngày: ….../...…./………. Dân tộc: …………………….. Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: ……/……/…… Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND):*

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: …../….../…… Ngày hết hạn: ……/...…/…… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: …………………………………. Fax:

Email: ………………………………………. Website:

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI ĐƯỢC TẶNG CHO/ NGƯỜI ĐƯỢC THỪA KẾ/NGƯỜI MUA** *(Ký, ghi họ tên)* | **CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN1** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |
| Các giấy tờ gửi kèm: - Hợp đồng tặng cho doanh nghiệp; - Giấy chứng tử/Tuyên bố mất tích; - Giấy kê khai di sản thừa kế; - …………………. |  |

1 *Trường hợp tặng cho doanh nghiệp tư nhân thì chủ doanh nghiệp tư nhân phải ký, ghi họ tên và đóng dấu.*

**PHỤ LỤC III-8**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP ------------**  Số: …………. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ------------------**  *…., ngày … tháng … năm………* |

**THÔNG BÁO   
THAY ĐỔI CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố …………….

Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa):*

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):*

**Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên như sau:**

**1. Đối với chủ sở hữu là cá nhân**

Họ và tên chủ sở hữu hiện tại *(ghi bằng chữ in hoa):*

………………………………………………………….. Giới tính:

Sinh ngày: …/…./………. Dân tộc: …………………….. Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: ………/……/…… Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND):*

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: …../..…./…… Ngày hết hạn: ……/...…/…… Nơi cấp:

Họ và tên chủ sở hữu mới *(ghi bằng chữ in hoa):* ………………………….. Giới tính:

Sinh ngày: …/…./………. Dân tộc: …………………….. Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: ……/……/…… Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND):*

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: …../..…./…… Ngày hết hạn: ……/...…/…… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: …………………………………. Fax:

Email: ………………………………………. Website:

**2. Đối với chủ sở hữu là tổ chức**

Tên chủ sở hữu hiện tại *(ghi bằng chữ in hoa):* …………………………………..

Mã số doanh nghiệp/Số quyết định thành lập:

Do: ………………………………….. cấp/phê duyệt ngày: …………./……./

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: …………………………………. Fax:

Email: ………………………………………. Website:

Tên chủ sở hữu mới *(ghi bằng chữ in hoa):* …………………………………..

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Do: ………………………………….. cấp/phê duyệt ngày: …………./……./

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: …………………………………. Fax:

Email: ………………………………………. Website:

Mô hình tổ chức công ty *(đánh dấu X):*

|  |  |
| --- | --- |
| Hội đồng thành viên |  |
| Chủ tịch công ty |  |

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ SỞ HỮU MỚI/NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CHỦ SỞ HỮU MỚI** *(Ký, ghi họ tên)* | **CHỦ SỞ HỮU CŨ/NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CHỦ SỞ HỮU CŨ** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |
| Các giấy tờ gửi kèm: - ………………….. - …………………. - …………………. |  |

**PHỤ LỤC III-9**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP ---------**  Số: …………. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------**  *…., ngày … tháng … năm………* |

**THÔNG BÁO   
THAY ĐỔI THÔNG TIN TRONG HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP1**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố …………….

Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa):*

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):*

**Thay đổi các thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp như sau:**

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ gửi kèm: - ………………….. - …………………. - …………………. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

1 *Chỉ áp dụng đối với trường hợp thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp và bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều 21, 22 Thông tư này.*

**PHỤ LỤC III-10**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP ---------**  Số: …………. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------**  *…., ngày … tháng … năm………* |

**THÔNG BÁO   
THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố …………….

Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa):*

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):*

**Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế như sau1:**

|  |  |
| --- | --- |
| STT | Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế |
| 1 | Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng:  Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc):  Điện thoại:  Họ và tên Kế toán trưởng:  Điện thoại: |
| 2 | Địa chỉ nhận thông báo thuế:  Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:  Xã/Phường/Thị trấn:  Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố trực thuộc tỉnh:  Tỉnh/Thành phố:  Điện thoại: ………………………………………….. Fax:  Email: |
| 3 | Hình thức hạch toán *(đánh dấu X vào ô thích hợp):*   |  |  | | --- | --- | | Hạch toán độc lập |  | | Hạch toán phụ thuộc |  | |
| 4 | Năm tài chính:  Áp dụng từ ngày …./….. đến ngày …/….  *(Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)* |
| 5 | Tổng số lao động: |
| 6 | Đăng ký xuất khẩu: |
| 7 | Tài khoản ngân hàng, kho bạc:  Tài khoản ngân hàng:  Tài khoản kho bạc: |
| 8 | Các loại thuế phải nộp *(đánh dấu X vào ô thích hợp):*   |  |  | | --- | --- | | Giá trị gia tăng |  | | Tiêu thụ đặc biệt |  | | Thuế xuất, nhập khẩu |  | | Tài nguyên |  | | Thu nhập doanh nghiệp |  | | Môn bài |  | | Tiền thuê đất |  | | Phí, lệ phí |  | | Thu nhập cá nhân |  | | Khác |  | |
| 9 | Ngành, nghề kinh doanh chính2: |

1 *Chỉ kê khai những thông tin dự kiến thay đổi*

2 *Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký hoặc dự kiến đăng ký bổ sung là ngành, nghề kinh doanh chính.*

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ đính kèm: - ………………….. - …………………. - …………………. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC III-11**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP ---------**  Số: …………. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------**  *…., ngày … tháng … năm………* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ HIỆU ĐÍNH THÔNG TIN**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố …………….

Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa):*

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):*

**Đề nghị hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện như sau:**

Thông tin tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện hiện nay là:

Nay đề nghị hiệu đính như sau:

Doanh nghiệp cam kết:

- Thông tin yêu cầu hiệu đính phù hợp với nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện đã nộp;

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

|  |  |
| --- | --- |
| Kèm theo Thông báo: - ………………….. - …………………. - …………………. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC III-12**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP ---------**  Số: …………. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------**  *…., ngày … tháng … năm………* |

**THÔNG BÁO**

**V/v tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố …………….

Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa):*

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):*

**Thông báo tạm ngừng hoạt động kinh doanh như sau:**

Thời gian tạm ngừng:

Thời điểm bắt đầu tạm ngừng: *Ngày ………. tháng ……….. năm*

Thời điểm kết thúc tạm ngừng: *Ngày ………. tháng ……….. năm*

Lý do tạm ngừng:

Doanh nghiệp cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

|  |  |
| --- | --- |
| Kèm theo Thông báo: - ………………….. - …………………. - …………………. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC III-13**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP ---------**  Số: …………. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------**  *…., ngày … tháng … năm………* |

**THÔNG BÁO**

**V/v giải thể doanh nghiệp**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố …………….

Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa):* ………………..

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):*

**Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp như sau:**

Quyết định giải thể số: ……………… ngày ……./……../

Lý do giải thể:

Doanh nghiệp cam kết đã hoàn thành các khoản nợ, nghĩa vụ thuế, tài sản và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

|  |  |
| --- | --- |
| Kèm theo Thông báo: - ………………….. - …………………. - …………………. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC III-14**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN HỘ KINH DOANH ---------**  Số: …………. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------**  *…., ngày … tháng … năm………* |

**THÔNG BÁO**

**V/v thay đổi nội dung đăng ký của hộ kinh doanh**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký kinh doanh cấp quận (huyện) ……………..

Tên hộ kinh doanh *(ghi bằng chữ in hoa):*

Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số:

Do: ………………………………. Cấp ngày: …………../…………… /

Địa điểm kinh doanh:

Điện thoại: …………………………………………. Fax:

Email: ………………………………………………. Website:

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh như sau:**

Tôi cam kết về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật của nội dung Thông báo này *(Trường hợp đăng ký thay đổi địa điểm kinh doanh, hộ kinh doanh phải cam kết về quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp trụ sở dự định chuyển tới).*

|  |  |
| --- | --- |
| Kèm theo Thông báo: - ………………….. - …………………. - …………………. | **ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH** *(Ký, ghi họ tên)* |

**PHỤ LỤC III-15**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN HỘ KINH DOANH ---------**  Số: …………. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------**  *…., ngày … tháng … năm………* |

**THÔNG BÁO**

**V/v tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký kinh doanh cấp quận (huyện) …………….

Tên hộ kinh doanh *(ghi bằng chữ in hoa):*

Số Giấy chứng nhận hộ kinh doanh:

Do: …………………………………………… cấp ngày: ……../......…../

Địa điểm kinh doanh:

Điện thoại: …………………………………………. Fax:

Email: ………………………………………………. Website:

**Thông báo tạm ngừng kinh doanh như sau:**

Thời gian tạm ngừng:

Thời điểm bắt đầu tạm ngừng: *Ngày ………. tháng ……….. năm*

Thời điểm kết thúc tạm ngừng: *Ngày ………. tháng ……….. năm*

Lý do tạm ngừng:

Tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH** *(Ký, ghi họ tên)* |

**PHỤ LỤC III-16**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN HỘ KINH DOANH ---------**  Số: …………. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------**  *…., ngày … tháng … năm………* |

**THÔNG BÁO**

**V/v chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký kinh doanh cấp quận (huyện) ……………..

Tên hộ kinh doanh *(ghi bằng chữ in hoa):*

Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số:

Do: ………………………………. Cấp ngày: …………../…………… /

Địa điểm kinh doanh:

Điện thoại: …………………………………………. Fax:

Email: ………………………………………………. Website:

Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh kể từ ngày ………/………../

Hộ kinh doanh cam kết đã hoàn thành các khoản nợ, nghĩa vụ thuế, tài sản và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này*.*

|  |  |
| --- | --- |
| Kèm theo Thông báo: - ………………….. - …………………. - …………………. | **ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH** *(Ký, ghi họ tên)* |

**PHỤ LỤC IV-1**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP… **PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH ---------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------** |

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP   
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN**

**Mã số doanh nghiệp: …………………..**

*Đăng ký lần đầu, ngày … tháng … năm ………*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: ……, ngày … tháng … năm ……….*

**1. Tên doanh nghiệp**

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt *(ghi bằng chữ in hoa):* ………………..

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*:

Tên doanh nghiệp viết tắt *(nếu có):*

**2. Địa chỉ trụ sở chính:**

Điện thoại: …………………………………………. Fax:

Email: ………………………………………………. Website:

**3. Ngành, nghề kinh doanh**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|  |  |  |
|  |  |  |

**4. Vốn đầu tư** *(bằng số; VNĐ):*

**5. Vốn pháp định** *(đối với ngành, nghề kinh doanh yêu cầu phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ):*

**6. Chủ doanh nghiệp**

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa):* ………….......................…………. Giới tính:

Sinh ngày: …/….../……… Dân tộc: …………………….. Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: ……/……/…… Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND):*

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: …../…...../……Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

**7. Thông tin về chi nhánh**

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh:

**8. Thông tin về văn phòng đại diện**

Tên văn phòng đại diện:

Địa chỉ văn phòng đại diện:

Mã số văn phòng đại diện:

**9. Thông tin về địa điểm kinh doanh**

Tên địa điểm kinh doanh:

Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Mã số địa điểm kinh doanh:

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

*Thông tin về cơ quan quản lý thuế trực tiếp của doanh nghiệp được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế (http://www.gdt.gov.vn).*

**PHỤ LỤC IV-2**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP… **PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH ---------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------** |

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP   
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Mã số doanh nghiệp: …………………..**

*Đăng ký lần đầu, ngày … tháng … năm …………..*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: ……, ngày … tháng … năm ……….*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt *(ghi bằng chữ in hoa):* ………………..

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*:

Tên công ty viết tắt *(nếu có):*

**2. Địa chỉ trụ sở chính:**

Điện thoại: …………………………………………. Fax:

Email: ………………………………………………. Website:

**3. Ngành, nghề kinh doanh**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|  |  |  |
|  |  |  |

**4. Vốn điều lệ** *(bằng số; VNĐ):*

**5. Vốn pháp định:** *(đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ):*

**6. Thông tin về chủ sở hữu**

**Đối với chủ sở hữu là cá nhân:**

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa):* …………….....................………. Giới tính:

Sinh ngày: …/….../………. Dân tộc: …………………….. Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: ……/……/…… Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND):*

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: ……/……/…… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

**Đối với chủ sở hữu là tổ chức:**

Tên tổ chức *(ghi bằng chữ in hoa):*

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số:

Do: …………………………….. Cấp ngày: ………../…………./

Địa chỉ trụ sở chính:

**7. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa):* ……...........................………………. Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: ..…/..…./………. Dân tộc: …………………….. Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: ………/……/…… Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND):*

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: ………/……/…… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

**8. Thông tin về chi nhánh**

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh:

**9. Thông tin về văn phòng đại diện**

Tên văn phòng đại diện:

Địa chỉ văn phòng đại diện:

Mã số văn phòng đại diện:

**10. Thông tin về địa điểm kinh doanh**

Tên địa điểm kinh doanh:

Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Mã số địa điểm kinh doanh:

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

*Thông tin về cơ quan quản lý thuế trực tiếp của doanh nghiệp được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế (http://www.gdt.gov.vn).*

**PHỤ LỤC IV-3**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP… **PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH ---------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------** |

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP   
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

**Mã số doanh nghiệp: …………………..**

*Đăng ký lần đầu, ngày … tháng … năm …………..*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: ……, ngày … tháng … năm ……….*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt *(ghi bằng chữ in hoa):* ………………..

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*:

Tên công ty viết tắt *(nếu có):*

**2. Địa chỉ trụ sở chính:**

Điện thoại: …………………………………………. Fax:

Email: ………………………………………………. Website:

**3. Ngành, nghề kinh doanh**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|  |  |  |
|  |  |  |

**4. Vốn điều lệ** *(bằng số; VNĐ):*

**5. Vốn pháp định** *(đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ):*

**6. Danh sách thành viên góp vốn**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị phần vốn góp *(VNĐ)* | Tỷ lệ (%) | Số giấy chứng minh nhân dân (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|  |  |  |  |  |  |  |

**7. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa):* ………………….................…. Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: ….../...…./………. Dân tộc: …………………….. Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: ……/……/…… Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND):*

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: ……/……/…… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

**8. Thông tin về chi nhánh**

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh:

**9. Thông tin về văn phòng đại diện**

Tên văn phòng đại diện:

Địa chỉ văn phòng đại diện:

Mã số văn phòng đại diện:

**10. Thông tin về địa điểm kinh doanh**

Tên địa điểm kinh doanh:

Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Mã số địa điểm kinh doanh:

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

*Thông tin về cơ quan quản lý thuế trực tiếp của doanh nghiệp được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế (http://www.gdt.gov.vn).*

**PHỤ LỤC IV-4**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP… **PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH ---------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------** |

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP   
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: …………………..**

*Đăng ký lần đầu, ngày … tháng … năm …………*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: ……, ngày … tháng … năm ……….*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt *(ghi bằng chữ in hoa):* ………………..

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*:

Tên công ty viết tắt *(nếu có):*

**2. Địa chỉ trụ sở chính:**

Điện thoại: …………………………………………. Fax:

Email: ………………………………………………. Website:

**3. Ngành, nghề kinh doanh**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|  |  |  |
|  |  |  |

**4. Vốn điều lệ** *(bằng số; VNĐ):*

Mệnh giá cổ phần:

Tổng số cổ phần:

**5. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**6. Vốn pháp định** *(đối với ngành, nghề kinh doanh yêu cầu phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ):*

**7. Danh sách cổ đông sáng lập**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên cổ đông | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần *(VNĐ)* | Tỷ lệ (%) | Số giấy chứng minh nhân dân (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**8. Người đại diện theo pháp luật**

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa):* ……………………. Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: …../..…./………. Dân tộc: …………………….. Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: ……/……/…… Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND):*

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: ……/……/…… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

**9. Thông tin về chi nhánh**

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh:

**10. Thông tin về văn phòng đại diện**

Tên văn phòng đại diện:

Địa chỉ văn phòng đại diện:

Mã số văn phòng đại diện:

**11. Thông tin về địa điểm kinh doanh**

Tên địa điểm kinh doanh:

Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Mã số địa điểm kinh doanh:

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

*Thông tin về cơ quan quản lý thuế trực tiếp của doanh nghiệp được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế (http://www.gdt.gov.vn).*

**PHỤ LỤC IV-5**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP… **PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH ---------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------** |

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP   
CÔNG TY HỢP DANH**

**Mã số doanh nghiệp: …………………..**

*Đăng ký lần đầu, ngày … tháng … năm …………..*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: ……, ngày … tháng … năm ………*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt *(ghi bằng chữ in hoa):* ………………..

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*:

Tên công ty viết tắt *(nếu có):*

**2. Địa chỉ trụ sở chính:**

Điện thoại: …………………………………………. Fax:

Email: ………………………………………………. Website:

**3. Ngành, nghề kinh doanh**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|  |  |  |
|  |  |  |

**4. Vốn điều lệ** *(bằng số; VNĐ):*

**5. Vốn pháp định** *(đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ):*

**6. Danh sách thành viên**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị phần vốn góp *(VNĐ)* | Tỷ lệ (%) | Số giấy chứng minh nhân dân (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Loại thành viên (Hợp danh/ góp vốn) |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

**7. Thông tin về chi nhánh**

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh:

**8. Thông tin về văn phòng đại diện**

Tên văn phòng đại diện:

Địa chỉ văn phòng đại diện:

Mã số văn phòng đại diện:

**9. Thông tin về địa điểm kinh doanh**

Tên địa điểm kinh doanh:

Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Mã số địa điểm kinh doanh:

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

*Thông tin về cơ quan quản lý thuế trực tiếp của doanh nghiệp được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế (http://www.gdt.gov.vn).*

**PHỤ LỤC IV-6**

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN **TÊN CƠ QUAN ĐKKD ---------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------** |

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ   
HỘ KINH DOANH**

**Số: ………………..**

*Đăng ký lần đầu, ngày … tháng … năm …………*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: ……, ngày … tháng … năm ……….*

**1. Tên hộ kinh doanh** *(ghi bằng chữ in hoa):* ………………..

**2. Địa điểm kinh doanh:**

Điện thoại: …………………………………………. Fax:

Email: ………………………………………………. Website:

**3. Ngành, nghề kinh doanh:**

**4. Vốn kinh doanh:**

**5. Họ và tên đại diện hộ kinh doanh:**

Giới tính:

Sinh ngày: ..…/..…./………. Dân tộc: …………………….. Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: ………/……/…… Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND):*

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: ………/……/…… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

**6. Danh sách cá nhân góp vốn thành lập hộ kinh doanh** *(nếu có)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú | Giá trị phần vốn góp *(VNĐ)* | Tỷ lệ (%) | Số giấy chứng minh nhân dân (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) | Ghi chú |
|  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỨC DANH NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

*Thông tin về cơ quan quản lý thuế trực tiếp được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế (http://www.gdt.gov.vn).*

**PHỤ LỤC IV-7**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP… **PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH ---------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------** |

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG   
CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

**Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện: …………………..**

*Đăng ký lần đầu, ngày … tháng … năm …………..*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: ……, ngày … tháng … năm ……*

**1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện** *(ghi bằng chữ in hoa):*

**2. Địa chỉ:**

Điện thoại: …………………………………………. Fax:

Email: ………………………………………………. Website:

**3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động**

a. Ngành, nghề kinh doanh *(đối với chi nhánh):*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|  |  |  |
|  |  |  |

b. Nội dung hoạt động *(đối với văn phòng đại diện):*

**4. Thông tin về người đứng đầu**

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa):* ……………………………. Giới tính:

Sinh ngày: ..…/..…./………. Dân tộc: …………………….. Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: ………/……/…… Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND):*

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: ………/……/…… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

**5. Địa điểm kinh doanh trực thuộc** *(đối với chi nhánh, nếu có)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên địa điểm kinh doanh | Địa chỉ | Tên người đứng đầu | Mã số |
|  |  |  |  |  |

**6. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp**

Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa):*

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

*Thông tin về cơ quan quản lý thuế trực tiếp được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế (http://www.gdt.gov.vn).*

**PHỤ LỤC V-1**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP… **PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH ---------**  Số: ………………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------**  *………, ngày … tháng … năm ….* |

**THÔNG BÁO**

**V/v sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp**

Kính gửi: *(Tên doanh nghiệp)*

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: ……………………………………. Fax:

Email: …………………………………………. Website:

Sau khi xem xét hồ sơ mã số: ……………………………. đã nhận ngày … tháng … năm

của Ông/Bà: ………………………………………….. là

về việc:

Phòng Đăng ký kinh doanh đề nghị những nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong hồ sơ và lý do sửa đổi, bổ sung như sau:

Ngày Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được tài liệu sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu nói trên được tính là ngày nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: …….. | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC V-2**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP… **PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH ---------**  Số: ………………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------**  *………, ngày … tháng … năm ….* |

**THÔNG BÁO**

**V/v vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp phải thu hồi**

**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**

Kính gửi: *(Tên doanh nghiệp)*

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: ……………………………………. Fax:

Email: …………………………………………. Website:

Căn cứ kết luận/biên bản làm việc số …………………………………………… của ……………… ngày ………./……./…… về việc:

Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo nội dung vi phạm của *(ghi tên doanh nghiệp)*

như sau:

Phòng Đăng ký kinh doanh yêu cầu *(ghi tên doanh nghiệp, thực hiện các nội dung theo từng trường hợp quy định tại Điều 60 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP)*

Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp sau … ngày *(theo từng trường hợp quy định tại Điều 60 Nghị định 43/2010/NĐ-CP),* kể từ ngày

…………………………………………………….. *(nếu)*  .

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Cục thuế tỉnh/thành phố; - Chi cục Quản lý thị trường; - Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia; - ……… - Lưu: …………. | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC V-3**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP… **PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH ---------**  Số: ………………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------**  *………, ngày … tháng … năm ….* |

**THÔNG BÁO**

**Yêu cầu doanh nghiệp báo cáo về tình hình kinh doanh**

Kính gửi: *(Tên và địa chỉ trụ sở chính doanh nghiệp)*

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 163 Luật Doanh nghiệp,

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: ……………………………………. Fax:

Email: …………………………………………. Website:

**Yêu cầu doanh nghiệp báo cáo về tình hình kinh doanh với các nội dung sau:**

Trong thời hạn ………….. ngày kể từ ngày ……./...…/…….., nếu Phòng Đăng ký kinh doanh …………………. không nhận được báo cáo về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp theo yêu cầu tại Thông báo này thì doanh nghiệp sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: …….. | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC V-4**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP… **PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH ---------**  Số: ………………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------**  *………, ngày … tháng … năm ….* |

**THÔNG BÁO**

**V/v kiểm tra thông tin về đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế**

Kính gửi: *(Tên doanh nghiệp)*

Căn cứ quy định tại Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp thì nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm những nội dung về đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế. Thông tin đăng ký kinh doanh và thông tin đăng ký thuế của doanh nghiệp sẽ được hợp nhất và lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Thông tin này có giá trị pháp lý là thông tin gốc về doanh nghiệp.

Để đảm bảo quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp về độ đầy đủ và chính xác của các thông tin về doanh nghiệp,

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: ……………………………………. Fax:

Email: …………………………………………. Website:

Đề nghị doanh nghiệp kiểm tra, đính chính hoặc bổ sung các thông tin đã đăng ký sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thông tin đăng ký kinh doanh** | | **Thông tin đăng ký thuế** |
| **1. Đối với doanh nghiệp** | | **1. Đối với doanh nghiệp** |
| Tên doanh nghiệp | | Tên doanh nghiệp |
| Mã số doanh nghiệp | | Mã số thuế |
| Tên người đại diện theo pháp luật | | Tên người đại diện theo pháp luật |
| Địa chỉ trụ sở chính | | Địa chỉ trụ sở chính |
|  | | Tình trạng mã số thuế |
| **2. Các chi nhánh của doanh nghiệp** | | **2. Các chi nhánh của doanh nghiệp** |
| 1 | Tên chi nhánh | Tên chi nhánh |
| Mã số đăng ký chi nhánh | Mã số thuế của chi nhánh |
| Địa chỉ chi nhánh | Địa chỉ chi nhánh |
|  | Tình trạng mã số thuế |
| 2 | Tên chi nhánh | Tên chi nhánh |
| Mã số đăng ký chi nhánh | Mã số thuế của chi nhánh |
| Địa chỉ chi nhánh | Địa chỉ chi nhánh |
|  | Tình trạng mã số thuế |
| n | Tên chi nhánh | Tên chi nhánh |
| Mã số đăng ký chi nhánh | Mã số thuế của chi nhánh |
| Địa chỉ chi nhánh | Địa chỉ chi nhánh |
|  | Tình trạng mã số thuế |
| **3. Các văn phòng đại diện của doanh nghiệp** | | **3. Các văn phòng đại diện của doanh nghiệp** |
| 1 | Tên văn phòng đại diện | Tên văn phòng đại diện |
| Mã số của văn phòng đại diện | Mã số thuế của văn phòng đại diện |
| Địa chỉ văn phòng đại diện | Địa chỉ văn phòng đại diện |
|  | Tình trạng mã số thuế |
| 2 | Tên văn phòng đại diện | Tên văn phòng đại diện |
| Mã số của văn phòng đại diện | Mã số thuế của văn phòng đại diện |
| Địa chỉ văn phòng đại diện | Địa chỉ văn phòng đại diện |
|  | Tình trạng mã số thuế |
| n | Tên văn phòng đại diện | Tên văn phòng đại diện |
| Mã số của văn phòng đại diện | Mã số thuế của văn phòng đại diện |
| Địa chỉ văn phòng đại diện | Địa chỉ văn phòng đại diện |
|  | Tình trạng mã số thuế |

Sau khi kiểm tra, đối chiếu, đề nghị Quý doanh nghiệp gửi thông tin chính xác về doanh nghiệp tới Phòng Đăng ký kinh doanh trong thời hạn một tháng kể từ ngày ký thông báo này. Quá thời hạn trên, nếu Phòng Đăng ký kinh doanh …………….. không nhận được Văn bản phúc đáp của doanh nghiệp thì doanh nghiệp sẽ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai.

Đối với các doanh nghiệp có thông tin đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký thuế chưa chính xác, doanh nghiệp phải thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho phù hợp.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Cơ quan Thuế; - Lưu: …….. | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC V-5**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP… **PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH ---------**  Số: ………………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------**  *………, ngày … tháng … năm ….* |

**THÔNG BÁO**

**V/v yêu cầu doanh nghiệp đăng ký mã số thuế**

Kính gửi: *(Tên doanh nghiệp)*

- Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Doanh nghiệp về nghĩa vụ đăng ký mã số thuế của doanh nghiệp;

- Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 165 Luật Doanh nghiệp về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp;

- Căn cứ Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật quản lý thuế về việc đăng ký thuế.

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: ……………………………………. Fax:

Email: …………………………………………. Website:

Yêu cầu doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đăng ký mã số thuế theo quy định của pháp luật.

Nếu quá thời hạn một năm, kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp không thực hiện việc đăng ký mã số thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 165 Luật Doanh nghiệp.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Cơ quan Thuế; - Lưu: …….. | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC V-6**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP… **PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH ---------**  Số: ………………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------**  *………, ngày … tháng … năm ….* |

**THÔNG BÁO**

**V/v yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện**

Kính gửi: *(Tên doanh nghiệp)*

- Căn cứ Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

- Căn cứ Thông báo số

- Căn cứ

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: ……………………………………. Fax:

Email: …………………………………………. Website:

Yêu cầu *(tên doanh nghiệp)*

……………………… tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề

Doanh nghiệp chỉ được tiếp tục kinh doanh ngành nghề kinh doanh nêu trên khi đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Tên, địa chỉ doanh nghiệp; - ………..; - Lưu: …….. | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC V-7**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP… **PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH ---------**  Số: ………………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------**  *………, ngày … tháng … năm ….* |

**THÔNG BÁO**

**V/v đăng ký giải thể của doanh nghiệp**

|  |  |
| --- | --- |
| **Kính gửi:** | - Công an tỉnh, thành phố ………. - Cục Thuế tỉnh, thành phố ………. |

Ngày …./…../……. Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được hồ sơ giải thể của doanh nghiệp

mã số doanh nghiệp

địa chỉ trụ sở chính:

do Ông/bà: là người đại diện theo pháp luật.

Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo và đề nghị Quý Cơ quan có ý kiến bằng văn bản về việc giải thể của doanh nghiệp trên trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày nhận được Thông báo này. Quá thời hạn trên, nếu không nhận được ý kiến của Quý cơ quan, Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ tiến hành thủ tục thụ lý hồ sơ giải thể doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: …….. | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC V-8**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP… **PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH ---------**  Số: ………………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------**  *………, ngày … tháng … năm ….* |

**THÔNG BÁO**

**V/v doanh nghiệp giải thể**

|  |  |
| --- | --- |
| **Kính gửi:** | - Công an tỉnh, thành phố ………. - Cục Thuế tỉnh, thành phố ………. |

Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được hồ sơ giải thể của doanh nghiệp

mã số doanh nghiệp

địa chỉ trụ sở chính:

do Ông/bà: là người đại diện theo pháp luật.

Căn cứ quy định của pháp luật về giải thể doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh đã tiến hành thủ tục giải thể doanh nghiệp và thông báo với Quý cơ quan kể từ ngày …/…/….. doanh nghiệp trên đã bị xóa tên trong sổ đăng ký kinh doanh.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: …….. | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC V-9**

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN … **TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH ---------**  Số: ………………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------**  *………, ngày … tháng … năm ….* |

**THÔNG BÁO**

**V/v sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh**

Kính gửi: *(Tên hộ kinh doanh)*

Tên cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: …………………………………………….. Fax:

Email: ………………………………………………….. Website:

Sau khi xem xét hồ sơ đã nhận ngày ……. tháng …… năm ……………. của Ông/Bà:

là

về việc:

Cơ quan đăng ký kinh doanh đề nghị những nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong hồ sơ và lý do sửa đổi, bổ sung như sau:

Ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh nhận được tài liệu sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu nói trên được tính là ngày nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: …….. | **CHỨC DANH NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC V-10**

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN … **CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH --------------**  Số: ………………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ----------------**  *………, ngày … tháng … năm ….* |

**THÔNG BÁO**

**V/v vi phạm của hộ kinh doanh thuộc trường hợp phải thu hồi**

**Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh**

Kính gửi: *(Tên hộ kinh doanh)*

Tên cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: …………………………………………….. Fax:

Email: ………………………………………………….. Website:

Căn cứ kết luận/biên bản làm việc số ………………………………………………………………. của …………………………………………….. ngày ……/..…./……….. về việc:

Cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo nội dung vi phạm của hộ kinh doanh

như sau:

Cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh sau mười ngày kể từ ngày ký Thông báo này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Chi cục Thuế; - Cơ quan Quản lý thị trường cấp huyện; - Lưu: …….. | **CHỨC DANH NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC VI-1**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP … **PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH ---------**  Số: ………………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------**  *………, ngày … tháng … năm ….* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

- Căn cứ Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

- Căn cứ Thông báo số ;

- Căn cứ

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp sau:

Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa):*

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(trường hợp không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):*

Do: …………………………………………… Cấp ngày: …../……../

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: …………………………………… Fax:

Email: ………………………………………… Website:

Do Ông/Bà: *(ghi họ tên bằng chữ in hoa)*:

Sinh ngày: ……../……./……… Dân tộc: ……………. Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: ……./…../…… Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND):*

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: ……./…../……… Ngày hết hạn: …../…./………. Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: ……………………………………. Fax:

Email: …………………………………………. Website:

Là người đại diện theo pháp luật.

Có các đơn vị phụ thuộc:

Tên, mã số, địa chỉ chi nhánh:

Tên, mã số, địa chỉ văn phòng đại diện:

Tên, mã số, địa chỉ địa điểm kinh doanh:

**Điều 2.** Trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, doanh nghiệp phải tiến hành giải thể theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ……./…../……. các Ông/Bà

……………………………………………………………………….. và

có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Tên, địa chỉ doanh nghiệp bị thu hồi GCNĐKDN; - Cục Thuế tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính; - Chi cục quản lý thị trường tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính; - Phòng Đăng ký kinh doanh các tỉnh, thành phố …; - ………; - Lưu: …….. | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC VI-2**

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN … **TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH ---------**  Số: ………………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------**  *………, ngày … tháng … năm ….* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh**

**--------------------------------**

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CẤP HUYỆN**

- Căn cứ Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

- Căn cứ Thông báo số ;

- Căn cứ

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của Hộ kinh doanh sau:

Tên hộ kinh doanh *(ghi bằng chữ in hoa):*

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh*:*

Do: …………………………………………… Cấp ngày: …../……../

Địa điểm kinh doanh:

Điện thoại: …………………………………… Fax:

Email: ………………………………………… Website:

Do Ông/Bà: *(ghi họ tên bằng chữ in hoa)*:

Sinh ngày: ……../……./……… Dân tộc: ……………. Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: ……../…../…… Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND):*

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: ……./…../……… Ngày hết hạn: …../…./………. Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: ……………………………………. Fax:

Email: …………………………………………. Website:

Là người đại diện Hộ kinh doanh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ……./…../……. các Ông/Bà

……………………………………………………………………….. và

có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh của Hộ kinh doanh bị thu hồi GCNĐKHKD; - Chi cục Thuế quận, huyện nơi hộ kinh doanh đăng ký địa điểm kinh doanh; - Cơ quan quản lý thị trường quận, huyện; - ………; - Lưu: …….. | **CHỨC DANH NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC VI-3**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP … **PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH ---------**  Số: ………………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------**  *………, ngày … tháng … năm ….* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện**

**-------------------------**

TRƯỞNG PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

- Căn cứ Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

- Căn cứ Thông báo số ;

- Căn cứ

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện *(ghi bằng chữ in hoa):*

Mã số/mã số thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động *(trường hợp không có mã số/mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện):*

Do: …………………………………………… Cấp ngày: …../……../

Là chi nhánh/văn phòng đại diện của doanh nghiệp sau:

Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa):*

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(trường hợp không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):*

Do: …………………………………………… Cấp ngày: …../……../

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: …………………………………… Fax:

Email: ………………………………………… Website:

Do Ông/Bà *(ghi họ tên bằng chữ in hoa)*:

Sinh ngày: ……../……./……… Dân tộc: ……………. Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: ……../…../…… Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND):*

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: ……./…../……… Ngày hết hạn: …../…./…………. Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: ……………………………………. Fax:

Email: …………………………………………. Website:

Là người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện.

**Điều 2.** *(Tên doanh nghiệp)* phải chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày …/…../……. *(Tên doanh nghiệp)*…………………..……………………………………………………………………….. có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Tên, địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện bị thu hồi GCNĐKHĐ; - Cục Thuế tỉnh, thành phố nơi đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện; - Chi cục quản lý thị trường tỉnh, thành phố nơi đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện; - Phòng Đăng ký kinh doanh các tỉnh/thành phố …; - ………; - Lưu: …….. | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC VI-4**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP … **PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH ---------**  Số: ………………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------**  *………, ngày … tháng … năm ….* |

**GIẤY XÁC NHẬN**

**NỘP HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP QUA MẠNG ĐIỆN TỬ**

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: ……………………………………. Fax:

Email: …………………………………………. Website:

Ngày ………/……./……… Phòng Đăng ký kinh doanh đã nhận của Ông/Bà

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại: …………………………………….. Email:

01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp về việc:

. qua mạng điện tử.

Bộ hồ sơ gồm có:

-

-

-

-

Đề nghị người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký tên và gửi Giấy này đến Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy này để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| **Chữ ký đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp** *(Ghi họ tên và đóng dấu)*1 |  |

1 *Trường hợp thành lập doanh nghiệp thì không phải đóng dấu,*

*Trường hợp đã có chữ ký điện tử thì không phải ký vào Giấy này.*

**PHỤ LỤC VI-5**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP  ---------**  Số: ………………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------**  *………, ngày … tháng … năm ….* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**CẤP ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố ………………

Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):*

Đề nghị được cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ gửi kèm: - Bản chính Giấy chứng nhận ĐKKD hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD và ĐKT; - ……………… - ……………… | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC VI-6**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN ĐKKD  ---------**  Số: ………………… Mã hồ sơ:……………….. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------**  *………, ngày … tháng … năm ….* |

**GIẤY BIÊN NHẬN**

Cơ quan đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: …………………………………………… Fax:

Email: ………………………………………………… Website:

Ngày ……/……/……. đã nhận của Ông/Bà

là

01 bộ hồ sơ số ……………… về việc

Hồ sơ bao gồm:

1.

2.

3.

4.

Cơ quan đăng ký kinh doanh hẹn Ông/Bà ngày …./…./….. liên hệ với cơ quan đăng ký kinh doanh để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI NHẬN** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* | **NGƯỜI NỘP** *(Ký và ghi họ tên)* |

**PHỤ LỤC VII-1**

**BẢNG CHỮ CÁI SỬ DỤNG TRONG ĐẶT TÊN DOANH NGHIỆP, ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC CỦA DOANH NGHIỆP VÀ HỘ KINH DOANH**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chữ in hoa** | **Chữ in thường** | **Chữ in hoa** | **Chữ in thường** |
| A | a | N | n |
| Ă | ă | O | o |
| Â | â | Ơ | ơ |
| B | b | Ô | ô |
| C | c | P | p |
| D | d | Q | q |
| Đ | đ | R | r |
| E | e | S | s |
| Ê | ê | T | t |
| F | f | U | u |
| G | g | Ư | ư |
| H | h | V | v |
| I | i | W | w |
| J | j | X | x |
| K | k | Y | y |
| L | l | Z | z |
| M | m |  |  |

**PHỤ LỤC VII-2**

**MÃ CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN DÙNG CHO ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH***(Ban hành kèm theo Thông tư số /2010/TT-BKH ngày / /2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đơn vị hành chính** | **Mã** | |
| **Số** | **Chữ** |
| 1 | 2 | 3 |
| **01. Thành phố Hà Nội**  (10 quận, 1 thị xã, 19 huyện)  Quận Ba Đình  Quận Tây Hồ  Quận Hoàn Kiếm  Quận Hai Bà Trưng  Quận Đống Đa  Quận Thanh Xuân  Quận Cầu Giấy  Huyện Sóc Sơn  Huyện Đông Anh  Huyện Gia Lâm  Huyện Từ Liêm  Huyện Thanh Trì  Quận Hoàng Mai  Quận Long Biên  Quận Hà Đông  Thị Xã Sơn Tây  Huyện Ba Vì  Huyện Phúc Thọ  Huyện Đan Phượng  Huyện Thạch Thất  Huyện Hoài Đức  Huyện Quốc Oai  Huyện Chương Mỹ  Huyện Thanh Oai  Huyện Thường Tín  Huyện Mỹ Đức  Huyện Ứng Hòa  Huyện Phú Xuyên  Huyện Mê Linh | **01**  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J  K  L  M  N  O  P  Q  R  S  T  U  V  W  X  Y  Z  a  b  c |
| **02. Thành phố Hải Phòng**  (6 quận, 8 huyện)  Quận Hồng Bàng  Quận Ngô Quyền  Quận Lê Chân  Quận Kiến An  Quận Đồ Sơn  Huyện Thủy Nguyên  Huyện An Dương  Huyện An Lão  Huyện Kiến Thụy  Huyện Tiên Lãng  Huyện Vĩnh Bảo  Huyện Cát Hải  Huyện Bạch Long Vĩ  Quận Dương Kinh | **02**  02  02  02  02  02  02  02  02  02  02  02  02  02  02 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J  K  L  M  N |
| **04. Tỉnh Hải Dương**  (1 thành phố, 1 thị xã, 10 huyện)  Thành phố Hải Dương  Thị xã Chí Linh  Huyện Nam Sách  Huyện Thanh Hà  Huyện Kinh Môn  Huyện Kim Thành  Huyện Gia Lộc  Huyện Tứ Kỳ  Huyện Cẩm Giàng  Huyện Bình Giang  Huyện Thanh Miện  Huyện Ninh Giang | **04**  04  04  04  04  04  04  04  04  04  04  04  04 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J  K  L |
| **05. Tỉnh Hưng Yên**  (1 thành phố, 9 huyện)  Thành phố Hưng Yên  Huyện Văn Lâm  Huyện Mỹ Hào  Huyện Yên Mỹ  Huyện Văn Giang  Huyện Khoái Châu  Huyện Ân Thi  Huyện Kim Động  Huyện Phù Cừ  Huyện Tiên Lữ | **05**  05  05  05  05  05  05  05  05  05  05 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J |
| **06. Tỉnh Hà Nam**  (1 thành phố, 5 huyện)  Thành phố Phủ Lý  Huyện Duy Tiên  Huyện Kim Bảng  Huyện Lý Nhân  Huyện Thanh Liêm  Huyện Bình Lục | **06**  06  06  06  06  06  06 | A  B  C  D  E  F |
| **07. Tỉnh Nam Định**  (1 thành phố, 9 huyện)  Thành phố Nam Định  Huyện Vụ Bản  Huyện Mỹ Mộc  Huyện Ý Yên  Huyện Nam Trực  Huyện Trực Ninh  Huyện Xuân Trường  Huyện Giao Thủy  Huyện Nghĩa Hưng  Huyện Hải Hậu | **07**  07  07  07  07  07  07  07  07  07  07 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J |
| **08. Tỉnh Thái Bình**  (1 thành phố, 7 huyện)  Thành phố Thái Bình  Huyện Quỳnh Phụ  Huyện Hưng Hà  Huyện Thái Thụy  Huyện Đông Hưng  Huyện Vũ Thư  Huyện Kiến Xương  Huyện Tiền Hải | **08**  08  08  08  08  08  08  08  08 | A  B  C  D  E  F  G  H |
| **09. Tỉnh Ninh Bình**  (1 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện)  Thành phố Ninh Bình  Thị xã Tam Điệp  Huyện Nho Quan  Huyện Gia Viễn  Huyện Hoa Lư  Huyện Yên Mô  Huyện Yên Khánh  Huyện Kim Sơn | **09**  09  09  09  09  09  09  09  09 | A  B  C  D  E  F  G  H |
| **10. Tỉnh Hà Giang**  (1 thành phố, 10 huyện)  Thành phố Hà Giang  Huyện Đồng Văn  Huyện Mèo Vạc  Huyện Yên Minh  Huyện Quản Bạ  Huyện Bắc Mê  Huyện Hoàng Su Phì  Huyện Vị Xuyên  Huyện Xín Mần  Huyện Bắc Quang  Huyện Quang Bình | **10**  10  10  10  10  10  10  10  10  10  10  10 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J  K |
| **11. Tỉnh Cao Bằng**  (1 thị xã, 12 huyện)  Thị xã Cao Bằng  Huyện Bảo Lạc  Huyện Bảo Lâm  Huyện Hà Quảng  Huyện Thông Nông  Huyện Trà Lĩnh  Huyện Trùng Khánh  Huyện Nguyên Bình  Huyện Hòa An  Huyện Quảng Uyên  Huyện Hạ Lang  Huyện Thạch An  Huyện Phục Hòa | **11**  11  11  11  11  11  11  11  11  11  11  11  11  11 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J  K  L  M |
| **12. Tỉnh Lào Cai**  (1 thành phố, 8 huyện)  Thành phố Lào Cai  Huyện Mường Khương  Huyện Bát Xát  Huyện Si Ma Cai  Huyện Bắc Hà  Huyện Bảo Thắng  Huyện Sa Pa  Huyện Bảo Yên  Huyện Văn Bàn | **12**  12  12  12  12  12  12  12  12  12 | A  C  D  E  F  G  H  I  K |
| **13. Tỉnh Bắc Kạn**  (1 thị xã, 7 huyện)  Thị xã Bắc Kạn  Huyện Ba Bể  Huyện Ngân Sơn  Huyện Chợ Đồn  Huyện Na Rì  Huyện Bạch Thông  Huyện Chợ Mới  Huyện Pắc Nặm | **13**  13  13  13  13  13  13  13  13 | A  B  C  D  E  F  G  H |
| **14. Tỉnh Lạng Sơn**  (1 thành phố, 10 huyện)  Thành phố Lạng Sơn  Huyện Tràng Định  Huyện Văn Lãng  Huyện Bình Gia  Huyện Bắc Sơn  Huyện Văn Quan  Huyện Cao Lộc  Huyện Lộc Bình  Huyện Chi Lăng  Huyện Đình Lập  Huyện Hữu Lũng | **14**  14  14  14  14  14  14  14  14  14  14  14 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J  K |
| **15. Tỉnh Tuyên Quang**  (1 thị xã, 5 huyện)  Thị xã Tuyên Quang  Huyện Nà Hang  Huyện Chiêm Hóa  Huyện Hàm Yên  Huyện Yên Sơn  Huyện Sơn Dương | **15**  15  15  15  15  15  15 | A  B  C  D  E  F |
| **16. Tỉnh Yên Bái**  (1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)  Thành phố Yên Bái  Thị xã Nghĩa Lộ  Huyện Lục Yên  Huyện Văn Yên  Huyện Mù Cang Chải  Huyện Trấn Yên  Huyện Yên Bình  Huyện Văn Chấn  Huyện Trạm Tấu | **16**  16  16  16  16  16  16  16  16  16 | A  B  C  D  E  F  G  H  I |
| **17. Tỉnh Thái Nguyên**  (1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)  Thành phố Thái Nguyên  Thị xã Sông Công  Huyện Định Hóa  Huyện Võ Nhai  Huyện Phú Lương  Huyện Đồng Hỷ  Huyện Đại Từ  Huyện Phú Bình  Huyện Phổ Yên | **17**  17  17  17  17  17  17  17  17  17 | A  B  C  D  E  F  G  H  I |
| **18. Tỉnh Phú Thọ**  (1 thành phố, 1 thị xã, 11 huyện)  Thành phố Việt Trì  Thị xã Phú Thọ  Huyện Đoan Hùng  Huyện Hạ Hòa  Huyện Thanh Ba  Huyện Phù Ninh  Huyện Lâm Thao  Huyện Cẩm Khê  Huyện Yên Lập  Huyện Tam Nông  Huyện Thanh Thủy  Huyện Thanh Sơn  Huyện Tân Sơn | **18**  18  18  18  18  18  18  18  18  18  18  18  18  18 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J  K  L  M |
| **19. Tĩnh Vĩnh Phúc**  (1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)  Thành phố Vĩnh Yên  Huyện Lập Thạch  Huyện Tam Dương  Huyện Bình Xuyên  Huyện Vĩnh Tường  Huyện Yên Lạc  Thị xã Phúc Yên  Huyện Tam Đảo  Huyện Sông Lô | **19**  19  19  19  19  19  19  19  19  19 | A  B  C  D  E  F  H  I  J |
| **20. Tỉnh Bắc Giang**  (1 thành phố, 9 huyện)  Thành phố Bắc Giang  Huyện Yên Thế  Huyện Tân Yên  Huyện Lục Ngạn  Huyện Hiệp Hòa  Huyện Lạng Giang  Huyện Sơn Động  Huyện Lục Nam  Huyện Việt Yên  Huyện Yên Dũng | **20**  20  20  20  20  20  20  20  20  20  20 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J |
| **21. Tỉnh Bắc Ninh**  (1 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện)  Thành phố Bắc Ninh  Huyện Yên Phong  Huyện Quế Võ  Huyện Tiên Du  Thị xã Từ Sơn  Huyện Thuận Thành  Huyện Lương Tài  Huyện Gia Bình | **21**  21  21  21  21  21  21  21  21 | A  B  C  D  E  F  G  H |
| **22. Tỉnh Quảng Ninh**  (2 thành phố, 2 thị xã, 10 huyện)  Thành phố Hạ Long  Thị xã Cẩm Phả  Thị xã Uông Bí  Thành phố Móng Cái  Huyện Bình Liêu  Huyện Hải Hà  Huyện Đầm Hà  Huyện Tiên Yên  Huyện Ba Chẽ  Huyện Vân Đồn  Huyện Hoành Bồ  Huyện Đông Triều  Huyện Cô Tô  Huyện Yên Hưng | **22**  22  22  22  22  22  22  22  22  22  22  22  22  22  22 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J  K  L  M  N |
| **23. Tỉnh Lai Châu**  (1 thị xã, 5 huyện)  Huyện Tam Đường  Huyện Phong Thổ  Huyện Mường Tè  Huyện Sìn Hồ  Huyện Than Uyên  Thị xã Lai Châu  Huyện Tân Uyên | **23**  23  23  23  23  23  23  23 | A  B  C  D  E  F  G |
| **24. Tỉnh Sơn La**  (1 thành phố, 10 huyện)  Thành phố Sơn La  Huyện Quỳnh Nhai  Huyện Mường La  Huyện Thuận Châu  Huyện Bắc Yên  Huyện Phù Yên  Huyện Mai Sơn  Huyện Sông Mã  Huyện Yên Châu  Huyện Mộc Châu  Huyện Sốp Cộp | **24**  24  24  24  24  24  24  24  24  24  24  24 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J  K |
| **25. Tỉnh Hòa Bình**  (1 thành phố, 10 huyện)  Thành phố Hòa Bình  Huyện Đà Bắc  Huyện Mai Châu  Huyện Kỳ Sơn  Huyện Lương Sơn  Huyện Kim Bôi  Huyện Tân Lạc  Huyện Lạc Sơn  Huyện Lạc Thủy  Huyện Yên Thủy  Huyện Cao Phong | **25**  25  25  25  25  25  25  25  25  25  25  25 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J  K |
| **26. Tỉnh Thanh Hóa**  (1 thành phố, 2 thị xã, 24 huyện)  Thành phố Thanh Hóa  Thị xã Bỉm Sơn  Thị xã Sầm Sơn  Huyện Mường Lát  Huyện Quan Hóa  Huyện Quan Sơn  Huyện Bá Thước  Huyện Cẩm Thủy  Huyện Lang Chánh  Huyện Thạch Thành  Huyện Ngọc Lạc  Huyện Thường Xuân  Huyện Như Xuân  Huyện Như Thanh  Huyện Vĩnh Lộc  Huyện Hà Trung  Huyện Nga Sơn  Huyện Yên Định  Huyện Thọ Xuân  Huyện Hậu Lộc  Huyện Thiệu Hóa  Huyện Hoằng Hóa  Huyện Đông Sơn  Huyện Triệu Sơn  Huyện Quảng Xương  Huyện Nông Cống  Huyện Tĩnh Gia | **26**  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J  K  L  M  N  O  P  Q  R  S  T  U  V  W  X  Y  Z  a |
| **27. Tỉnh Nghệ An**  (1 thành phố, 2 thị xã, 17 huyện)  Thành phố Vinh  Thị xã Cửa Lò  Huyện Quế Phong  Huyện Quỳ Châu  Huyện Kỳ Sơn  Huyện Quỳ Hợp  Huyện Nghĩa Đàn  Huyện Tương Dương  Huyện Quỳnh Lưu  Huyện Tân Kỳ  Huyện Con Cuông  Huyện Yên Thành  Huyện Diễn Châu  Huyện An Sơn  Huyện Đô Lương  Huyện Thanh Chương  Huyện Nghi Lộc  Huyện Nam Đàn  Huyện Hưng Nguyên  Thị xã Thái Hòa | **27**  27  27  27  27  27  27  27  27  27  27  27  27  27  27  27  27  27  27  27  27 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J  K  L  M  N  O  P  Q  R  S  T |
| **28. Tỉnh Hà Tĩnh**  (1 thành phố, 1 thị xã, 10 huyện)  Thành phố Hà Tĩnh  Thị xã Hồng Lĩnh  Huyện Nghi Xuân  Huyện Đức Thọ  Huyện Hương Sơn  Huyện Vũ Quang  Huyện Can Lộc  Huyện Thạch Hà  Huyện Cẩm Xuyên  Huyện Hương Khê  Huyện Kỳ Anh  Huyện Lộc Hà | **28**  28  28  28  28  28  28  28  28  28  28  28  28 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J  K  L |
| **29. Tỉnh Quảng Bình**  (1 thành phố, 6 huyện)  Thành phố Đồng Hới  Huyện Tuyên Hóa  Huyện Minh Hóa  Huyện Quảng Trạch  Huyện Bố Trạch  Huyện Quảng Ninh  Huyện Lệ Thủy | **29**  29  29  29  29  29  29  29 | A  B  C  D  E  F  G |
| **30. Tỉnh Quảng Trị**  (1 thành phố, 1 thị xã, 8 huyện)  Thành phố Đông Hà  Thị xã Quảng Trị  Huyện Vĩnh Linh  Huyện Gio Linh  Huyện Cam Lộ  Huyện Triệu Phong  Huyện Hải Lăng  Huyện Hướng Hóa  Huyện Đa Krông  Huyện đảo Cồn Cỏ | **30**  30  30  30  30  30  30  30  30  30  30 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J |
| **31. Tỉnh Thừa Thiên - Huế**  (1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)  Thành phố Huế  Huyện Phong Điền  Huyện Quảng Điền  Huyện Hương Trà  Huyện Phú Vang  Huyện Hương Thủy  Huyện Phú Lộc  Huyện A Lưới  Huyện Nam Đông | **31**  31  31  31  31  31  31  31  31  31 | A  B  C  D  E  F  G  H  I |
| **32. Thành phố Đà Nẵng**  (6 quận, 2 huyện)  Quận Hải Châu  Quận Thanh Khê  Quận Sơn Trà  Quận Ngũ Hành Sơn  Quận Liên Chiểu  Huyện Hòa Vang  Huyện đảo Hoàng Sa  Quận Cẩm Lệ | **32**  32  32  32  32  32  32  32  32 | A  B  C  D  E  F  G  H |
| **33. Tỉnh Quảng Nam**  (2 thành phố, 16 huyện)  Thành phố Tam Kỳ  Thành phố Hội An  Huyện Đông Giang  Huyện Đại Lộc  Huyện Điện Bàn  Huyện Duy Xuyên  Huyện Nam Giang  Huyện Thăng Bình  Huyện Quế Sơn  Huyện Hiệp Đức  Huyện Tiên Phước  Huyện Phước Sơn  Huyện Núi Thành  Huyện Bắc Trà My  Huyện Tây Giang  Huyện Nam Trà My  Huyện Phú Ninh  Huyện Nông Sơn | **33**  33  33  33  33  33  33  33  33  33  33  33  33  33  33  33  33  33  33 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J  K  L  M  N  O  P  Q  R |
| **34. Tỉnh Quảng Ngãi**  (1 thành phố, 13 huyện)  Thành phố Quảng Ngãi  Huyện Lý Sơn  Huyện Bình Sơn  Huyện Trà Bồng  Huyện Sơn Tịnh  Huyện Sơn Tây  Huyện Sơn Hà  Huyện Tư Nghĩa  Huyện Nghĩa Hành  Huyện Minh Long  Huyện Mộ Đức  Huyện Đức Phổ  Huyện Ba Tơ  Huyện Tây Trà | **34**  34  34  34  34  34  34  34  34  34  34  34  34  34  34 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J  K  L  M  N |
| **35. Tỉnh Bình Định**  (1 thành phố, 10 huyện)  Thành phố Quy Nhơn  Huyện An Lão  Huyện Hoài Nhơn  Huyện Hoài Ân  Huyện Phù Mỹ  Huyện Vĩnh Thạnh  Huyện Phù Cát  Huyện Tây Sơn  Huyện An Nhơn  Huyện Tuy Phước  Huyện Vân Canh | **35**  35  35  35  35  35  35  35  35  35  35  35 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J  K |
| **36. Tỉnh Phú Yên**  (1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)  Thành phố Tuy Hòa  Huyện Đồng Xuân  Thị xã Sông Cầu  Huyện Tuy An  Huyện Sơn Hòa  Huyện Tây Hòa  Huyện Sông Hinh  Huyện Phú Hòa  Huyện Đông Hòa | **36**  36  36  36  36  36  36  36  36  36 | A  B  C  D  E  F  G  H  I |
| **37. Tỉnh Khánh Hòa**  (1. T. phố, 1 thị xã, 6 huyện)  Thành phố Nha Trang  Thị xã Cam Ranh  Huyện Vạn Ninh  Huyện Ninh Hòa  Huyện Diên Khánh  Huyện Khánh Vĩnh  Huyện Khánh Sơn  Huyện Trường Sa  Huyện Cam Lâm | **37**  37  37  37  37  37  37  37  37  37 | A  B  C  D  E  F  G  H  I |
| **38. Tỉnh Kon Tum**  (1 thành phố, 8 huyện)  Thành phố Kon Tum  Huyện Đắk Glei  Huyện Ngọc Hồi  Huyện Đắk Tô  Huyện Kon Plông  Huyện Đắk Hà  Huyện Sa Thầy  Huyện Kon Rẫy  Huyện Tu Mơ Rông | **38**  38  38  38  38  38  38  38  38  38 | A  B  C  D  E  F  G  H  I |
| **39. Tỉnh Gia Lai**  (1 thành phố, 2 thị xã, 15 huyện)  Thành phố Pleiku  Huyện Kbang  Huyện Đắk Đoa  Huyện Mang Yang  Huyện Chư Păh  Huyện Ia Grai  Thị xã An Khê  Huyện Kông Chro  Huyện Đức Cơ  Huyện Chư Prông  Huyện Chư Sê  Thị xã Ayun Pa  Huyện Krông Pa  Huyện Ia Pa  Huyện Đắk Pơ  Huyện Phú Thiện  Huyện Chư Pha  Huyện Chư Pưh | **39**  39  39  39  39  39  39  39  39  39  39  39  39  39  39  39  39  39  39 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J  K  L  M  N  O  P  Q  R |
| **40. Tỉnh Đắk Lắk**  (1 thành phố, 1 thị xã, 13 huyện)  Thành phố Buôn Ma Thuột  Huyện Ea H’leo  Huyện Ea Súp  Huyện Krông Năng  Huyện Krông Búk  Huyện Buôn Đôn  Huyện Cư M’gar  Huyện Ea Kar  Huyện M’Đrắk  Huyện Krông Pắk  Huyện Krông A Na  Huyện Krông Bông  Huyện Cư Kuin  Thị xã Buôn Hồ  Huyện Lắk | **40**  40  40  40  40  40  40  40  40  40  40  40  40  40  40  40 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J  L  M  N  O  P |
| **41. TP Hồ Chí Minh**  (19 quận, 5 huyện)  Quận 1  Quận 2  Quận 3  Quận 4  Quận 5  Quận 6  Quận 7  Quận 8  Quận 9  Quận 10  Quận 11  Quận 12  Quận Gò Vấp  Quận Tân Bình  Quận Bình Thạnh  Quận Phú Nhuận  Quận Thủ Đức  Huyện Củ Chi  Huyện Hóc Môn  Huyện Bình Chánh  Huyện Nhà Bè  Huyện Cần Giờ  Quận Bình Tân  Quận Tân Phú | **41**  41  41  41  41  41  41  41  41  41  41  41  41  41  41  41  41  41  41  41  41  41  41  41 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J  K  L  M  N  O  P  Q  R  S  T  U  V  W  X |
| **42. Tỉnh Lâm Đồng**  (1 thành phố, 1 thị xã, 10 huyện)  Thành phố Đà Lạt  Thị xã Bảo Lộc  Huyện Lạc Dương  Huyện Đơn Dương  Huyện Đức Trọng  Huyện Lâm Hà  Huyện Bảo Lâm  Huyện Di Linh  Huyện Đạ Huoai  Huyện Đạ Tẻh  Huyện Cát Tiên  Huyện Đam Rông | **42**  42  42  42  42  42  42  42  42  42  42  42  42 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J  K  L |
| **43. Tỉnh Ninh Thuận**  (1 thị xã, 5 huyện)  Thị xã Phan Rang – Tháp Chàm  Huyện Ninh Sơn  Huyện Bác Ái  Huyện Ninh Hải  Huyện Ninh Phước  Huyện Thuận Bắc | **43**  43  43  43  43  43  43 | A  B  C  D  E  F |
| **44. Tỉnh Bình Phước**  (3 thị xã, 6 huyện)  Thị xã Đồng Xoài  Huyện Đồng Phú  Thị xã Phước Long  Huyện Lộc Ninh  Huyện Bù Đăng  Thị xã Bình Long  Huyện Bù Gia Mập  Huyện Chơn Thành  Huyện Hớn Quản | **44**  44  44  44  44  44  44  44  44  44 | A  B  G  D  E  I  C  H  F |
| **45. Tỉnh Tây Ninh**  (1 thị xã, 8 huyện)  Thị xã Tây Ninh  Huyện Tân Biên  Huyện Tân Châu  Huyện Dương Minh Châu  Huyện Châu Thành  Huyện Hòa Thành  Huyện Bến Cầu  Huyện Gò Dầu  Huyện Trảng Bàng | **45**  45  45  45  45  45  45  45  45  45 | A  B  C  D  E  F  G  H  I |
| **46. Tỉnh Bình Dương**  (1 thị xã, 6 huyện)  Thị xã Thủ Dầu Một  Huyện Dầu Tiếng  Huyện Bến Cát  Huyện Phú Giáo  Huyện Tân Uyên  Huyện Thuận An  Huyện Dĩ An | **46**  46  46  46  46  46  46  46 | A  B  C  D  E  F  G |
| **47. Tỉnh Đồng Nai**  (1 thành phố, 1 thị xã, 9 huyện)  Thành phố Biên Hòa  Huyện Tân Phú  Huyện Định Quán  Huyện Vĩnh Cửu  Huyện Thống Nhất  Thị xã Long Khánh  Huyện Xuân Lộc  Huyện Long Thành  Huyện Nhơn Trạch  Huyện Trảng Bom  Huyện Cẩm Mỹ | **47**  47  47  47  47  47  47  47  47  47  47  47 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J  K |
| **48. Tỉnh Bình Thuận**  (1 thành phố, 1 thị xã, 8 huyện)  Thành phố Phan Thiết  Huyện Tuy Phong  Huyện Bắc Bình  Huyện Hàm Thuận Bắc  Huyện Hàm Thuận Nam  Huyện Tánh Linh  Huyện Hàm Tân  Huyện Đức Linh  Huyện Phú Quý  Thị xã La-gi | **48**  48  48  48  48  48  48  48  48  48  48 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J |
| **49. Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**  (1 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện)  Thành phố Vũng Tàu  Thị xã Bà Rịa  Huyện Châu Đức  Huyện Xuyên Mộc  Huyện Tân Thành  Huyện Long Điền  Huyện Côn Đảo  Huyện Đất Đỏ | **49**  49  49  49  49  49  49  49  49 | A  B  C  D  E  F  G  H |
| **50. Tỉnh Long An**  (1 thành phố, 13 huyện)  Thành phố Tân An  Huyện Tân Hưng  Huyện Vĩnh Hưng  Huyện Mộc Hóa  Huyện Tân Thạnh  Huyện Thạnh Hóa  Huyện Đức Huệ  Huyện Đức Hòa  Huyện Bến Lức  Huyện Thủ Thừa  Huyện Châu Thành  Huyện Tân Trụ  Huyện Cần Đước  Huyện Cần Giuộc | **50**  50  50  50  50  50  50  50  50  50  50  50  50  50  50 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J  K  L  M  N |
| **51. Tỉnh Đồng Tháp**  (1 thành phố 2 thị xã, 9 huyện)  Thành phố Cao Lãnh  Thị xã Sa Đéc  Huyện Tân Hồng  Huyện Hồng Ngự  Huyện Tam Nông  Huyện Thanh Bình  Huyện Tháp Mười  Huyện Cao Lãnh  Huyện Lấp Vò  Huyện Lai Vung  Huyện Châu Thành  Thị xã Hồng Ngự | **51**  51  51  51  51  51  51  51  51  51  51  51  51 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J  K  L |
| **52. Tỉnh An Giang**  (1 thành phố, 2 thị xã, 8 huyện)  Thành phố Long Xuyên  Thị xã Châu Đốc  Huyện An Phú  Thị xã Tân Châu  Huyện Phú Tân  Huyện Châu Phú  Huyện Tịnh Biên  Huyện Tri Tôn  Huyện Chợ Mới  Huyện Châu Thành  Huyện Thoại Sơn | **52**  52  52  52  52  52  52  52  52  52  52  52 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J  K |
| **53. Tỉnh Tiền Giang**  (1 thành phố, 1 thị xã, 8 huyện)  Thành phố Mỹ Tho  Thị xã Gò Công  Huyện Tân Phước  Huyện Châu Thành  Huyện Cai Lậy  Huyện Chợ Gạo  Huyện Cái Bè  Huyện Gò Công Tây  Huyện Gò Công Đông  Huyện Tân Phú Đông | **53**  53  53  53  53  53  53  53  53  53  53 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J |
| **54. Tỉnh Vĩnh Long**  (1 thành phố, 7 huyện)  Thành phố Vĩnh Long  Huyện Long Hồ  Huyện Mang Thít  Huyện Bình Minh  Huyện Tam Bình  Huyện Trà Ôn  Huyện Vũng Liêm  Huyện Bình Tân | **54**  54  54  54  54  54  54  54  54 | A  B  C  D  E  F  G  H |
| **55. Tỉnh Bến Tre**  (1 thành phố, 8 huyện)  Thành phố Bến Tre  Huyện Châu Thành  Huyện Chợ Lách  Huyện Mỏ Cày Bắc  Huyện Giồng Trôm  Huyện Bình Đại  Huyện Ba Tri  Huyện Thạnh Phú  Huyện Mỏ Cày Nam | **55**  55  55  55  55  55  55  55  55  55 | A  B  C  D  E  F  G  H  I |
| **56. Tỉnh Kiên Giang**  (1 thành phố, 1 thị xã, 13 huyện)  Thành phố Rạch Giá  Thị xã Hà Tiên  Huyện Kiên Lương  Huyện Hòn Đất  Huyện Tân Hiệp  Huyện Châu Thành  Huyện Giồng Giềng  Huyện Gò Quao  Huyện An Biên  Huyện An Minh  Huyện Vĩnh Thuận  Huyện Phú Quốc  Huyện Kiên Hải  Huyện U Minh Thượng  Huyện Giang Thành | **56**  56  56  56  56  56  56  56  56  56  56  56  56  56  56  56 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J  K  L  M  N  O |
| **57. Thành phố Cần Thơ**  (5 quận, 4 huyện)  Quận Ninh Kiều  Quận Bình Thủy  Quận Cái Răng  Quận Ô Môn  Quận Thốt Nốt  Huyện Cờ Đỏ  Huyện Vĩnh Thạnh  Huyện Phong Điền  Huyện Thới Lai | **57**  57  57  57  57  57  57  57  57  57 | A  B  C  E  F  G  H  I  K |
| **58. Tỉnh Trà Vinh**  (1 thị xã, 7 huyện)  Thị xã Trà Vinh  Huyện Càng Long  Huyện Châu Thành  Huyện Cầu Kè  Huyện Tiểu Cần  Huyện Cầu Ngang  Huyện Trà Cú  Huyện Duyên Hải | **58**  58  58  58  58  58  58  58  58 | A  B  C  D  E  F  G  H |
| **59. Tỉnh Sóc Trăng**  (1 thị xã, 10 huyện)  Thị xã Sóc Trăng  Huyện Kế Sách  Huyện Long Phú  Huyện Mỹ Tú  Huyện Mỹ Xuyên  Huyện Thạnh Trị  Huyện Vĩnh Châu  Huyện Cù Lao Dung  Huyện Ngã Năm  Huyện Châu Thành  Huyện Trần Đề | **59**  59  59  59  59  59  59  59  59  59  59  59 | A  B  C  D  E  F  G  H  I  J  K |
| **60. Tỉnh Bạc Liêu**  (1 thị xã, 6 huyện)  Thị xã Bạc Liêu  Huyện Phước Long  Huyện Hồng Dân  Huyện Vĩnh Lợi  Huyện Giá Rai  Huyện Đông Hải  Huyện Hòa Bình | **60**  60  60  60  60  60  60  60 | A  B  C  D  E  F  G |
| **61. Tỉnh Cà Mau**  (1 thành phố, 8 huyện)  Thành phố Cà Mau  Huyện Thới Bình  Huyện U Minh  Huyện Trần Văn Thời  Huyện Cái Nước  Huyện Đầm Dơi  Huyện Ngọc Hiển  Huyện Năm Căn  Huyện Phú Tân | **61**  61  61  61  61  61  61  61  61  61 | A  B  C  D  E  F  G  H  I |
| **62. Tỉnh Điện Biên**  (1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)  Thành phố Điện Biên Phủ  Thị xã Mường Lay  Huyện Mường Nhé  Huyện Tủa Chùa  Huyện Tuần Giáo  Huyện Điện Biên  Huyện Điện Biên Đông  Huyện Mường Chà  Huyện Mường Ảng | **62**  62  62  62  62  62  62  62  62  62 | A  B  D  E  F  G  H  I  J |
| **63. Tỉnh Đắc Nông**  (1 thị xã, 7 huyện)  Huyện Cư Jút  Huyện Đắc Mil  Huyện Đắc Song  Huyện Đắc GLong  Huyện Đắc RLấp  Huyện Krông Nô  Thị xã Gia Nghĩa  Huyện Tuy Đức | **63**  63  63  63  63  63  63  63  63 | A  B  C  D  E  F  G  H |
| **64. Tỉnh Hậu Giang**  (2 thị xã, 5 huyện)  Thị xã Vị Thanh  Huyện Vị Thủy  Huyện Long Mỹ  Huyện Châu Thành A  Huyện Châu Thành  Huyện Phụng Hiệp  Thị xã Ngã Bảy | **64**  64  64  64  64  64  64  64 | A  B  C  E  F  G  H |

**PHỤ LỤC VII-3**

**PHÔNG (FONT) CHỮ, CỠ CHỮ, KIỂU CHỮ SỬ DỤNG TRONG CÁC MẪU GIẤY**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Thành phần thể thức | Phông (font) chữ | Cỡ chữ | Kiểu chữ | Ví dụ |
| 1 | Tiêu đề | .Times New Roman  .Times New Roman | 13  13 | Đậm và in hoa  Đậm và in thường | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| 2 | Tên cơ quan cấp | .Times New Roman  .Times New Roman | 13  13 | Thường và in hoa  Đậm và in hoa | SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  **PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH** |
| 3 | Tên Giấy chứng nhận | .Times New Roman | 14 | Đậm và in hoa | **GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CÔNG TY CỔ PHẦN** |
| 4 | Các nội dung ghi sẵn trên mẫu | .Times New Roman | 14 | Thường | Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: ……….  Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có): … |
| 5 | Các nội dung của từng doanh nghiệp | .Times New Roman  .Times New Roman | 14  14 | Đậm và in hoa  Thường | **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN XÂY DỰNG TIẾN THÀNH**  Địa chỉ trụ sở chính: Số 195b, phố Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội |
| .Times New Roman | 14 | In hoa | Họ và tên: NGUYỄN VĂN A |
| 6 | Thành viên công ty | .Times New Roman | 14 | In hoa | NGUYỄN VĂN A |
| 7 | Chi nhánh, văn phòng đại diện | .Times New Roman | 14 | In hoa | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HUY HOÀNG TẠI NGHỆ AN |
| .Times New Roman | 14 | Thường | Số 2, đường Trần Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An |
| 8 | Thể thức đề ký | .Times New Roman | 13 | Đậm và in hoa | **TRƯỞNG PHÒNG** |
| 9 | Họ tên người ký | .Times New Roman | 13 | Thường | Nguyễn Thùy Linh |
| 10 | Ngày cấp | .Times New Roman | 14 | Thường và in nghiêng | *Đăng ký lần đầu, ngày … tháng … năm ……*  *Đăng ký thay đổi lần thứ: …. ngày … tháng … năm ……* |